

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

---o0o---

# **TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**MÔ-ĐUN:**

**ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC QUỐC TẾ  
TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON**

**Nhóm tác giả/tác giả:**

- TS. Hồ Lam Hồng (Trường ĐHSP Hà Nội);
- TS. Trịnh Thị Xim (Trường CĐSP TW);
- TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền (Vụ GDMN);
- Th.S. Lê Thị Thu Huyền (iGARTEN);
- Th.S. Đinh Thị Bích Thủy (Sở GDĐT Hà Nội);
- Cử nhân Triệu Thanh Huyền (Trường MN Việt Triều).

**Hà Nội, tháng 10 năm 2022**

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	
<b>I. MỤC TIÊU</b> .....	<b>1</b>
1. Mục tiêu chung .....	1
2. Mục tiêu cụ thể .....	1
<b>II. CHUẨN BỊ</b> .....	<b>1</b>
1. Về phía báo cáo viên .....	1
2. Về phía học viên .....	1
<b>III. NỘI DUNG</b> .....	<b>2</b>
<b>NỘI DUNG 1. GIỚI THIỆU MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP/ TIẾP CẬN GIÁO DỤC QUỐC TẾ TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON (16 tiết lý thuyết + 4 tiết thực hành)</b> .....	<b>2</b>
1. Phương pháp giáo dục Montessori .....	2
2. Giáo dục STEM/ STEAM .....	2
3. Hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia .....	3
<b>NỘI DUNG 2. HƯỚNG DẪN ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP/TIẾP CẬN GIÁO DỤC TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON</b> .....	<b>3</b>
1. Giới thiệu một số mô hình ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay .....	3
2. Hướng dẫn triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế vào thực hiện chương trình tại cơ sở GDMN .....	4
<b>IV. THỜI LƯỢNG</b> .....	<b>4</b>
<b>V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP</b> .....	<b>5</b>
<b>NỘI DUNG 1. GIỚI THIỆU MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP/ TIẾP CẬN GIÁO DỤC QUỐC TẾ TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GDMN</b> .....	<b>5</b>
1. Yêu cầu cần đạt .....	5
2. Thời lượng .....	5
3. Tổ chức hoạt động .....	5

<b>NỘI DUNG 2. HƯỚNG DẪN ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP/TIẾP CẬN GIÁO DỤC TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GDMN (04 tiết lý thuyết, 06 tiết thực hành) .....</b>	<b>45</b>
1. Yêu cầu cần đạt .....	45
2. Thời lượng.....	45
3. Tổ chức hoạt động.....	45
3.1. Giới thiệu một số mô hình ứng dụng phương pháp/ tiếp cận GD quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay.....	46
3.2. Hướng dẫn triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình tại cơ sở GDMN .....	53
<b>VI. ĐÁNH GIÁ .....</b>	<b>60</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>66</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>68</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu chữ viết tắt</b>	<b>Cụm từ viết tắt</b>
1	CBQL	Cán bộ quản lý
2	CSGD	Chăm sóc, giáo dục
3	CSVC	Cơ sở vật chất
4	GDMN	Giáo dục mầm non
5	GV	Giáo viên
6	GVMN	Giáo viên mầm non
7	MN	Mầm non
8	MTXQ	Môi trường xung quanh
9	THCS	Thực hành cuộc sống

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Học xong mô - đụn này, CBQL và GVMN cốt cán có kiến thức cơ bản về một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế phổ biến hiện nay tại Việt Nam (Montessori, Reggio Emilia và STEM/ STEAM... trong GDMN); có năng lực lựa chọn và lên kế hoạch triển khai ứng dụng một hoặc một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

*Sau khi học xong mô - đụn này, học viên sẽ:*

- Phân tích các đặc điểm nổi bật của một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế phổ biến hiện nay tại Việt Nam (Montessori, Reggio Emilia và STEM/ STEAM... trong GDMN);

- Đánh giá mức độ khả thi của cơ sở GDMN do mình phụ trách với phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế, từ đó lựa chọn một hay một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế phù hợp trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN;

- Lập kế hoạch triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN;

- Sẵn sàng tiếp nhận những thông tin mới về các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế; Hứng thú và kiên trì học tập phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế để ứng dụng có hiệu quả.

## **II. CHUẨN BỊ**

### **1. Về phía báo cáo viên**

- Chương trình/ kịch bản các buổi tập huấn, bồi dưỡng.

- Tài liệu mô - đụn.

- Bản trình chiếu Power point bài giảng.

- Phiếu giao nhiệm vụ cho từng hoạt động.

- Một số video clip minh họa các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế (có thể có 02 hoặc 03 đoạn video) để minh họa các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

- Máy tính, máy chiếu...

### **2. Về phía học viên**

- Thực hiện phiếu giao nhiệm vụ;

- Nghiên cứu và chuẩn bị các câu hỏi/ ý kiến về các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN.

### **III. NỘI DUNG**

#### **NỘI DUNG 1. GIỚI THIỆU MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP/ TIẾP CẬN GIÁO DỤC QUỐC TẾ TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON (16 tiết lý thuyết + 4 tiết thực hành)**

Giới thiệu chung tổng quan về các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế đang ứng dụng trong GDMN ở Việt Nam, chủ yếu giới thiệu sâu 03 phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế phổ biến hiện nay.

##### **1. Phương pháp giáo dục Montessori (04 tiết lý thuyết)**

###### ***1.1. Giới thiệu chung về phương pháp giáo dục Montessori***

- a) Quan điểm/ triết lý giáo dục của Montessori
- b) Mục tiêu giáo dục theo phương pháp Montessori

###### ***1.2. Đặc trưng của phương pháp giáo dục Montessori***

###### ***1.3. Nội dung giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori***

- a) Lĩnh vực thực hành cuộc sống
- b) Lĩnh vực cảm giác
- c) Lĩnh vực ngôn ngữ
- d) Lĩnh vực toán học
- đ) Lĩnh vực văn hóa (lịch sử, địa lý, khoa học, mỹ thuật, âm nhạc..)

###### ***1.4. Môi trường giáo dục theo phương pháp Montessori***

- a) Môi trường vật chất
- b) Môi trường xã hội

###### ***1.5. Vai trò của người giáo viên và trẻ trong lớp học Montessori***

###### ***1.6. Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN***

- a) Yêu cầu và nguyên tắc
- b) Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN

##### **2. Giáo dục STEM/ STEAM (04 tiết lý thuyết)**

###### ***2.1. Giới thiệu chung về giáo dục STEM/ STEAM***

- a) Khái niệm
- b) Mục tiêu giáo dục

## ***2.2. Đặc điểm của giáo dục STEM/ STEAM***

## ***2.3. Nội dung giáo dục STEM/ STEAM***

- a) Khoa học trong giáo dục STEAM
- b) Toán trong giáo dục STEAM
- c) Công nghệ trong giáo dục STEAM
- d) Kỹ thuật trong giáo dục STEAM
- đ) Nghệ thuật trong giáo dục STEAM

## ***2.4. Môi trường giáo dục STEM/ STEAM***

- a) Môi trường vật chất
- b) Môi trường xã hội

## ***2.5. Giáo viên và trẻ trong lớp học ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM***

## ***2.6. Ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM trong thực hiện chương trình GDMN***

- a) Yêu cầu và nguyên tắc
- b) Ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM trong thực hiện chương trình GDMN

## **3. Hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia (04 tiết lý thuyết)**

### ***3.1. Giới thiệu chung***

- a) Khái niệm
- b) Mục tiêu giáo dục theo hướng tiếp cận Reggio Emilia

### ***3.2. Triết lý của hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia***

### ***3.3. Đặc trưng của hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia***

### ***3.4. Nội dung giáo dục của hướng tiếp cận Reggio Emilia***

### ***3.5. Ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia trong thực hiện chương trình GDMN***

## **NỘI DUNG 2. HƯỚNG DẪN ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP/TIẾP CẬN GIÁO DỤC TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON (04 tiết lý thuyết, 06 tiết thực hành)**

### **1. Giới thiệu một số mô hình ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay**

#### ***1.1. Mô hình ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế (02 lý thuyết, 02 thực hành)***

*a) Mô hình ứng dụng từng phần theo lộ trình (phân giai đoạn ứng dụng phù hợp với điều kiện thực tế cơ sở GDMN)*

- Khái niệm

- Điều kiện thực hiện
- Gợi ý lựa chọn
- Ví dụ tham khảo với 03 phương pháp trên

*b) Mô hình ứng dụng toàn phần*

- Khái niệm
- Điều kiện thực hiện
- Gợi ý lựa chọn
- Ví dụ tham khảo với 03 phương pháp nêu trên

**1.2. Mô hình ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế (02 lý thuyết, 02 thực hành)**

- a) Khái niệm
- b) Điều kiện thực hiện
- c) Nguyên tắc kết hợp
- d) Gợi ý lựa chọn
- đ) Ví dụ tham khảo với 03 phương pháp nêu trên

**2. Hướng dẫn triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế vào thực hiện chương trình tại cơ sở GDMN**

Quản lý việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế vào thực hiện chương trình GDMN thực chất là quản lý sự thay đổi hay là quản lý vận dụng đổi mới phương pháp trong tổ chức các hoạt động giáo dục, nên phù hợp với việc vận dụng mô hình quản lý sự thay đổi.

**2.1. Khảo sát điều kiện thực tế chuẩn bị ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN (01 tiết lý thuyết, 02 tiết thực hành)**

**2.2. Lập kế hoạch ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN (01 tiết lý thuyết, 02 tiết thực hành)**

**2.3. Tổ chức chỉ đạo ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN (01 tiết lý thuyết, 01 tiết thực hành)**

**2.4. Đánh giá, điều chỉnh (01 tiết lý thuyết, 01 tiết thực hành)**

**IV. THỜI LƯỢNG**

30 tiết (20 tiết lý thuyết, 10 tiết thực hành)



## **V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

### **NỘI DUNG 1. GIỚI THIỆU MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP/ TIẾP CẬN GIÁO DỤC QUỐC TẾ TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GDMN (16 tiết lý thuyết + 4 tiết thực hành)**

#### **1. Yêu cầu cần đạt**

Học viên sẽ:

- Phân tích các đặc điểm nổi bật của một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế phổ biến ở Việt Nam (Montessori, Reggio Emilia và STEM/STEAM...) trong GDMN hiện nay;
- Đối chiếu các đặc điểm của từng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế với điều kiện của trường để chọn lựa phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN;
- Sẵn sàng tiếp nhận những thông tin mới về các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế để ứng dụng có hiệu quả trong cơ sở GDMN.

#### **2. Thời lượng**

16 tiết lý thuyết, 04 tiết thực hành

#### **3. Tổ chức hoạt động**

#### **Hoạt động 1. Tìm hiểu phương pháp giáo dục Montessori trong GDMN (04 tiết lý thuyết)**

##### **a) Mục tiêu**

- + Phân tích quan điểm, mục tiêu, đặc điểm, nội dung chính của phương pháp giáo dục Montessori trong GDMN;
- + Đối chiếu so sánh được đặc điểm, yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp giáo dục Montessori với điều kiện thực tế của cơ sở GDMN;
- + Chọn lựa được cách thức ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN tại cơ sở GDMN mình phụ trách một cách phù hợp.

##### **b) Chuẩn bị**

*Phía giảng viên:*

- + Tài liệu viết mô đun.
- + Bản trình chiếu Powerpoint bài giảng.
- + Phiếu giao nhiệm vụ hoạt động 1.
- + Đoạn clip quay môi trường lớp học theo phương pháp giáo dục Montessori.

*Phía học viên:*

- + Bút, giấy để thực hiện phiếu nhiệm vụ hoạt động 1.
- + Chuẩn bị các câu hỏi/ ý kiến về việc ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN.

**c) Tổ chức hoạt động:**

**PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1**

**1. Nhiệm vụ 1. Thảo luận nhóm**  
 Câu hỏi 1. Anh/ chị đã từng biết gì về phương pháp giáo dục Montessori (bối cảnh ra đời, mục tiêu giáo dục của phương pháp giáo dục Montessori?) (thảo luận 10 phút).

**2. Nhiệm vụ 2. Xem đoạn clip và thảo luận nhóm**  
 Xem clip về môi trường lớp học và hoạt động của trẻ MN (khoảng 10 phút).  
 Câu hỏi 2. Theo anh/ chị phương pháp giáo dục Montessori có đặc trưng và nội dung giáo dục gì? Phương pháp giáo dục Montessori có ưu điểm và hạn chế gì? (thảo luận 20 phút).

Câu hỏi 3. Tại cơ sở GDMN của anh/ chị đã ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori như thế nào?

**3. Nhiệm vụ 3. Trình bày của các nhóm và chia sẻ**  
 Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận nhóm và các nhóm khác chia sẻ (khoảng 20 phút).

**THÔNG TIN PHẢN HỒI**

**Phương pháp giáo dục Montessori**

**1.1. Giới thiệu chung về phương pháp giáo dục Montessori**

Phương pháp Montessori là phương pháp giáo dục trẻ em được sáng lập bởi bác sĩ và nhà giáo dục người Ý Maria Montessori (1870 - 1952). Phương pháp giáo dục Montessori chuyên áp dụng cho trẻ từ 2 - 6 tuổi dựa trên các bản năng và sự nhạy cảm của lứa tuổi này đối với MTXQ. Đây là phương pháp giáo dục giúp thúc đẩy tiềm năng của trẻ thông qua việc tạo ra môi trường học tập thân thiện, chuyên nghiệp với những giáo cụ học tập riêng biệt. Tiến trình giáo dục của phương pháp Montessori được xây dựng xoay quanh các cảm giác và cảm quan của trẻ. Đặc biệt, phương pháp đề cao việc tôn trọng tính riêng biệt của mỗi trẻ em. Quá trình học tập của mỗi trẻ là độc lập, trẻ tự mình phát triển không hề bị bị gián đoạn.

### **a) Quan điểm/ triết lý giáo dục của Montessori**

Triết lý giáo dục của phương pháp Montessori nằm ở hai khía cạnh:

#### **- Tôn trọng sự tự do của trẻ**

+ Đề khẳng định triết lý tự do trong giáo dục trẻ em, bà Maria Montessori đưa ra khái niệm “Bộ óc thấm thấu” (Absorbent mind). Bà cho rằng trẻ em có khả năng tự học. Khả năng này tùy theo độ tuổi mà bà gọi là sự hấp thu vô ý thức (từ 0 đến 3 tuổi) hoặc sự hấp thu có ý thức (từ 3 đến 6 tuổi). Sự tự do thể hiện tinh thần tôn trọng trẻ. Theo bà, trẻ em được quyền quyết định tương lai của mình.

+ Chương trình và phương pháp giáo dục Montessori luôn đề cao sự tự do của trẻ, cho phép trẻ tự lựa chọn từ nội dung đến thời gian học tập của mình. Tùy theo sở thích, khả năng và sự sáng tạo, trẻ chủ động lựa chọn hoạt động, các loại giáo cụ, đồ chơi thuộc các lĩnh vực khác nhau. GV đóng vai trò quan sát và ghi chép kết quả quan sát hoạt động vui chơi và học tập của trẻ, chỉ giúp đỡ trẻ trong trường hợp cần thiết. Bản thân trẻ phải tự có kế hoạch học tập cho riêng mình như mỗi ngày sẽ tiếp cận những nội dung gì, thời gian tiếp cận bao lâu, có học chung với bạn nào hay không ?...

+ Khả năng sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ sẽ kích thích phát triển mạnh mẽ theo cách tự nhiên. Trẻ sẽ cảm thấy vô cùng hứng thú, thoải mái và tự tin hơn rất nhiều so với việc học theo ép buộc.

#### **- Hướng đến giáo dục tâm hồn trẻ**

+ Phương pháp Montessori hướng đến giáo dục tâm hồn cho trẻ. Trẻ được giáo dục về lòng yêu thương, tình nhân ái, những giá trị sống tốt đẹp, từ đó hình thành nhân cách cao đẹp, giúp trẻ phát triển một cách toàn diện nhất.

+ Phương pháp giáo dục Montessori xem các hoạt động trong lớp của trẻ là công việc. Khi trẻ làm một công việc tức là có điểm khởi đầu và điểm kết thúc. Nhiệm vụ của trẻ là tập trung tối đa vào công việc và cố gắng hoàn thiện để đạt được kết quả tốt nhất. Trẻ có đức tính kiên trì, sự tập trung cao độ vào công việc - đây là yếu tố rất cần thiết trong cuộc sống hiện đại.

### **b) Mục tiêu giáo dục theo phương pháp Montessori**

Giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ, chú trọng phát triển hệ thống các kỹ năng cá nhân, khả năng tập trung chú ý, tính độc lập, tích cực, chủ động, ham hiểu biết, thích tìm tòi khám phá về tất cả các sự vật hiện tượng trong thế giới

xung quanh. Hình thành và phát triển nhân cách của trẻ với các kỹ năng sống cần thiết, phù hợp. Khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng vốn có, nét riêng biệt của cá nhân trẻ.

### ***1.2. Đặc trưng của phương pháp giáo dục Montessori***

- **Lớp học Montessori là lớp học trộn độ tuổi:** Mục đích của lớp học Montessori trộn độ tuổi là giúp trẻ linh hoạt, chủ động hơn trong khi chơi, biết quan sát và học hỏi lẫn nhau, tạo môi trường làm việc nhóm và kỹ năng xử lý tình huống trong các mối quan hệ xã hội.

- **Trẻ tự do chọn lựa hoạt động:** Mỗi trẻ em là một cá thể độc lập với khả năng riêng. Trẻ được quyền tự do lựa chọn hoạt động và thực hiện với niềm vui sâu sắc. Trẻ thể hiện tính kỷ luật bắt nguồn từ bên trong của trẻ, không bị áp đặt từ bên ngoài.

- **Trẻ được tôn trọng, tập trung vào công việc của mình:** Trong lớp học Montessori không được phép làm ngắt quãng sự tập trung của trẻ dù chúng đã hoàn thành nhiệm vụ hay chưa, trẻ được tạo điều kiện để tập trung tốt nhất và tự hoàn thành công việc của mình.

- **Trẻ được học thông qua trải nghiệm thực tế:** Trẻ sẽ học những kiến thức cần thiết thông qua tương tác với giáo cụ được thiết kế riêng biệt dành cho trẻ. Mỗi giáo cụ đã có tính mục đích rõ ràng, mang tính khám phá cao đem tới cho trẻ cơ hội học qua chơi và trải nghiệm đầy hấp dẫn và thú vị.

### ***1.3. Nội dung giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori***

Nội dung chương trình giáo dục Montessori được chia ra thành các lĩnh vực: Lĩnh vực thực hành cuộc sống, lĩnh vực cảm giác, lĩnh vực ngôn ngữ, lĩnh vực toán học, lĩnh vực văn hóa (lịch sử, địa lý, khoa học, mỹ thuật và âm nhạc..)

#### **a) Lĩnh vực thực hành cuộc sống**

Giáo dục các kỹ năng THCS trong sinh hoạt hằng ngày cho trẻ được coi là nội dung không thể thiếu được trong chương trình giáo dục Montessori.

Thông qua các hoạt động quen thuộc trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày như mang giày dép, mặc quần áo, đội mũ, tự chuẩn bị đồ ăn thức uống đơn giản, tự đi vệ sinh, tự dọn dẹp sau khi làm bẩn... Trẻ em học được cách thức chăm sóc bản thân, chăm sóc môi trường, cách ứng xử lịch thiệp. Rèn luyện ở trẻ sự chú ý tập trung cao độ vào một công việc và biết làm việc theo thứ tự từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc công việc, biết điều chỉnh di chuyển thay đổi vị trí để

đạt được mục tiêu công việc, học tập được cách thức phân chia một bài tập ra thành các phần và tổ chức thực hiện giải quyết từng phần của bài tập đó.

Mặt khác, thông qua các hoạt động mà trẻ tự đề xuất, trẻ học được tính độc lập, tích cực và chủ động trong việc giải quyết các nhiệm vụ của hoạt động. Do đại đa số các kỹ năng sống trong sinh hoạt hằng ngày không được tiêu chuẩn hóa nên trong quá trình giáo dục các GV phải tạo ra được các hoạt động phong phú đa dạng theo thiết kế của môi trường văn hóa trong lớp học, theo mức độ hứng thú và sự cần thiết đối với trẻ để bài trí các giáo cụ ở lĩnh vực này cho phù hợp.

### **b) Lĩnh vực cảm giác**

Những giáo cụ cảm giác cơ bản trong chương trình giáo dục Montessori là những giáo cụ về thị giác, xúc giác (vận động), thính giác, vị giác, khứu giác được chế tác ra nhằm giúp trẻ có thể nhận biết và phân loại được các thuộc tính và khái niệm đặc trưng riêng biệt của từng đối tượng. Ở mỗi một quá trình học tập trẻ đều được thực hiện từ các nội dung đơn giản cho đến các nội dung phức tạp. Các giáo cụ và hoạt động được chia ra thành các lĩnh vực: về thị giác, về thính giác, về khứu giác, về vị giác và về xúc giác.

### **c) Lĩnh vực ngôn ngữ**

Sự phát triển ngôn ngữ trong môi trường lớp học Montessori chịu ảnh hưởng từ tất cả các yếu tố bao gồm những giáo cụ đặc biệt được sử dụng để phát triển các năng lực ngôn ngữ cho trẻ như các cuốn sách được sử dụng cho góc đọc sách, hội thoại, giao tiếp, đọc thơ; các bài hát được sử dụng khi sinh hoạt tập thể; hệ thống từ vựng được GV truyền đạt tới trẻ thông qua các hoạt động học tập, qua việc giao tiếp và trao đổi thông tin một cách tự nhiên giữa trẻ với nhau.

Montessori nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ đúng với tiếng mẹ đẻ của mỗi quốc gia, dân tộc; đồng thời nhấn mạnh việc GV phải tự chế tác ra các giáo cụ và áp dụng theo phương pháp giáo dục Montessori để giúp trẻ phát triển ngôn ngữ đúng với tiếng mẹ đẻ của quốc gia mình (Kim Young Soon, 2001). Do đó các giáo cụ ngôn ngữ phải được biến đổi đa dạng căn cứ vào sự cần thiết về kích cỡ, kiểu dáng, màu sắc, chất lượng của chất liệu làm ra các giáo cụ đó. Montessori đặt cơ sở nền tảng vào sự phát triển mặt phát triển ngữ âm (nghe và nói), từ đó tiến hành việc đọc và viết các chữ cái (Kim Hoa Sick, 2006).

#### **d) Lĩnh vực toán học**

Giáo dục Montessori đã giúp khai thác các năng lực hiểu biết toán học thông qua các hoạt động trong sinh hoạt hằng ngày và thông qua việc giáo dục cảm giác. Các hoạt động ở lĩnh vực toán học được tiến hành qua các bước như từ việc phân biệt mang tính cảm giác đến trừu tượng hóa vào trong, từ các hoạt động động đến các hoạt động tĩnh, từ hoạt động cá nhân đến hoạt động nhóm, và ngược lại từ hoạt động nhóm đến hoạt động cá nhân và cuối cùng là bước tổng kết. Nội dung:

Toán học đã chia các giáo cụ toán học Montessori ra thành 4 loại hình như sau:

- \* Số lượng hóa và hoạt động đếm từ 0 - 10.
- \* Đếm liên tiếp (đếm theo dãy số hệ thống các chữ số cao dần).
- \* 10 thủ thuật (sử dụng các hạt vòng màu vàng, tính giá trị như sau, 1 đơn vị bỏ một hạt vòng, 10 đơn vị bỏ một chiếc gậy, 100 đơn vị bỏ 1 hình vuông, và 1000 đơn vị bỏ một hình lục giác).
- \* Tính toán (cộng, trừ, thêm, bớt) và phân số.

#### **e) Lĩnh vực văn hóa**

Giáo dục văn hóa là những nội dung dạy về lịch sử quá trình tiến hóa, lịch sử hình thành thế giới vạn vật. Giáo dục văn hóa không được phân loại hay chia nhỏ từng lĩnh vực mà nó là sự gắn kết và hợp nhất rất nhiều các yếu tố từ lịch sử, văn hóa, địa lý đến khoa học, toán học và ngôn ngữ... Giáo dục văn hóa thông qua giáo dục về cuộc sống con người và trẻ phải nhận ra được giá trị của bản thân trong cộng đồng xã hội, có cơ hội được thể hiện những khả năng và năng lực của bản thân, để từ đó tìm ra được đáp án cho các câu hỏi như làm thế nào để có thể thực hiện được những khả năng đó, làm thế nào để sống có ích...mặt khác giáo dục văn hóa cũng phải được thể hiện ở lĩnh vực giáo dục sinh thái học, giáo dục về hòa bình.

\* Lịch sử: Dạy lịch sử cho trẻ em nhằm hai mục đích chính, đó là cung cấp cho trẻ một vốn kiến thức và kinh nghiệm phong phú về thế giới xung quanh và giúp trẻ hình thành sự quan tâm, hứng thú đến tìm hiểu lịch sử. Ở đây, GV tổ chức các hoạt động cho trẻ học về lịch sử nhân loại và lịch sử trái đất giúp phát triển khái niệm về thời gian ở trẻ.

\* Địa lý: Theo Shin Hoa Sick (2006) Lĩnh vực địa lý được chia ra thành: (i) địa lý mang tính vật chất; (ii) địa lý văn hóa; (iii) địa lý chính trị (quốc gia, thành phố, biên giới...) và (iv) địa lý kinh tế (tài nguyên thiên nhiên quốc gia, mối quan hệ xuất nhập khẩu với thị trường ...). Các hoạt động với bản đồ, quả địa cầu giúp trẻ tìm hiểu về vùng đất, vùng biển... nơi chúng ta đang sống trên trái đất. Tiếp đó, trẻ tìm hiểu về văn hóa của các quốc gia, vùng miền, cũng như đất nước, thành phố, quốc kì, trang phục... Tất cả hoạt động đó giúp trẻ có được những hiểu biết về từng vùng đất với cấu tạo bề mặt khác nhau; đến đất nước và con người với các nền văn hóa riêng.

\* Khoa học: Giáo dục khoa học được chia ra làm 2 mảng lớn đó là khoa học về sinh vật và khoa học về vật chất. Nội dung cụ thể theo sự phân chia thành các lĩnh vực: động vật học, thực vật học và địa chất học.

\* Mỹ thuật: Giáo dục mỹ thuật Montessori không giới hạn về thể loại và nguyên liệu. Trong lớp học Montessori phải trang bị đầy đủ về các nguyên vật liệu như màu nước, đất sét, các loại đồ dùng, dụng cụ để vẽ, tô màu, keo dán, giấy màu các loại... Montessori được đánh giá là người tiên phong trong nhận thức về cái đẹp nghệ thuật trong môi trường giáo dục bên trong lớp học. Nghĩa là môi trường giáo dục phải đẹp và mang tính thẩm mỹ cao có ảnh hưởng rất sâu rộng tới sự phát triển của đứa trẻ (Torrence & Chattin – McNichols, 2009). Do đó, đứa trẻ phải được ưu tiên trong việc tiếp cận phương pháp giáo dục mỹ thuật mang tính can thiệp trực tiếp vào môi trường giáo dục, điều này có nghĩa là GV sẽ lựa chọn ra trong số các tác phẩm mỹ thuật của trẻ, là những tác phẩm mỹ thuật đẹp, sinh động, hấp dẫn, thu hút được sự tập trung chú ý của mọi người sử dụng để trang trí ngay trong môi trường giáo dục trẻ.

\* Âm nhạc: Âm nhạc là một phần không thể thiếu của chương trình giáo dục trẻ em theo phương pháp Montessori. Các hoạt động giúp phát triển thính giác thông qua việc phân loại giọng trong trò chơi âm nhạc, âm thanh cylinder, chuông Montessori (để phân biệt âm điệu) là nội dung cốt lõi của chương trình giáo dục trẻ mầm non Montessori. Bên cạnh đó, còn có một số các hoạt động âm nhạc khác như vận động theo giai điệu (di chuyển theo đường đứng với giai điệu), nghe nhạc cổ điển và các dòng nhạc khác, hát tập thể, tập sử dụng các nhạc cụ đơn giản, sử dụng bản nhạc (nốt nhạc) đơn giản (trên một tờ giấy chép

nhạc khổ lớn di chuyển nốt nhạc làm bằng lá cây) (Torrence & Chattin – McNichols, 2009).

#### ***1.4. Môi trường giáo dục theo phương pháp Montessori***

Montessori cho rằng việc bài trí môi trường giáo dục không chỉ là tạo ra một không gian đẹp mà còn tạo được một nơi yên tĩnh, bình yên để trẻ có thể tập trung tinh thần cao độ vào việc học tập và tiếp thu tri thức (Torrence & Chattin – McNichols, 2009).

##### **a) Môi trường vật chất**

Môi trường lớp học Montessori đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn: Không gian sinh hoạt và học tập của trẻ cần được trang trí sinh động, bố trí hợp lý và đẹp mắt. Phòng học rộng rãi để trẻ thực hành với các giáo cụ theo các mục tiêu được xác định rõ ràng trong từng giáo cụ. Phòng học thoáng mát, có đủ lượng ánh sáng tự nhiên cần thiết, cây xanh và không khí trong lành sẽ tạo cảm hứng thoải mái cho trẻ sinh hoạt và tiếp thu kiến thức. Môi trường lớp học sạch sẽ, được vệ sinh hàng ngày bởi chính trẻ và GV. Các vật dụng, đồ chơi trong phòng học đảm bảo an toàn.

Môi trường có trật tự ổn định, cấu trúc rõ ràng: Các giáo cụ được sắp xếp theo trật tự từ đơn giản đến phức tạp, giúp trẻ dễ dàng lựa chọn. Sự sắp xếp giáo cụ về đúng nơi quy định góp phần tăng tính trật tự và hình thành ý thức giữ gìn trật tự môi trường lớp học. Tất cả các đồ dùng, dụng cụ, giáo cụ học tập, các kệ, tủ đựng đồ cá nhân... phải được bài trí gọn gàng ngăn nắp và sạch sẽ để giúp trẻ có thể tự học tập tìm kiếm khám phá tri thức về thế giới khách quan một cách tự nguyện, tích cực, chủ động và say mê. Trẻ được tự do trong phạm vi giới hạn được cho phép. Trẻ được vui chơi, tìm hiểu và khám phá thiên nhiên dưới sự chỉ dẫn theo logic có trật tự từ GV, các trẻ sẽ thể hiện được năng khiếu riêng của bản thân.

Môi trường lớp học Montessori được phân chia thành các góc theo 5 lĩnh vực học tập, các góc được phân chia rõ ràng, tạo không gian riêng để trẻ tập trung học. Không gian được sắp xếp hợp lý để trẻ có thể tiếp cận dễ dàng với các giáo cụ, các vật liệu (bao gồm cả việc khai thác tối đa tất cả các đồ dùng, đồ chơi, vật liệu hiện có). Các góc trong lớp linh hoạt, dễ dàng thay đổi.

Đồ dùng và thiết bị được làm từ vật liệu thiên nhiên, thân thiện với môi trường, phù hợp với văn hoá địa phương. Tất cả các đồ dùng, trang thiết bị trong



trường, trong lớp có kích thước phải vừa tầm và phù hợp với chiều cao của trẻ và sắp xếp ngăn nắp. Màu sắc của các đồ vật không được quá màu mè, phải tươi sáng, tinh xảo, đa dạng, phong phú và phải có cảm giác mềm mại. Có nhiều nguyên vật liệu để tăng cường khả năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và tính sáng tạo cho trẻ có khả năng khác nhau. Shin Hoa Sick(2006) đã chỉ ra các yếu tố cấu thành tổng thể môi trường lớp học Montessori như sau: Mỗi cá nhân trẻ phải có các đồ dùng cần thiết cơ bản như sau: bàn, ghế, kệ, bàn trải thảm làm bằng nỉ, thảm, đệm hoa, 3 chiếc gương (một chiếc gương soi toàn thân, một chiếc gương soi mặt và một chiếc gương soi khi mang giày), bồn rửa, đồ dùng ăn uống, xô, chậu rửa. Mặt khác phải có một số đồ dùng để cho trẻ lựa chọn sử dụng như giá vẽ, ca mức nước, thùng đựng nước và một thùng đựng nước thừa bỏ đi.

Hướng tới các giá trị từ tự nhiên và tính thực tế cao: việc thực hành hỗ trợ rất nhiều trong quá trình học tập và phát triển ở trẻ nhỏ. Đặc biệt, trải nghiệm bằng những vật dụng từ thiên nhiên như gỗ, mây, lá, tre, vải,... thay vì chất liệu nhân tạo như nhựa, cao su, kim loại... sẽ mang lại hiệu ứng chân thật nhất đến trẻ. Lớp học sẽ không trang trí màu mè bằng những hình ảnh hoạt hình hay những hình ảnh không có ý nghĩa vì có thể gây ra sự xao nhãng của trẻ trong lúc học tập. Cây xanh, lọ hoa, một số đồ vật liên quan đến văn hóa sẽ được trang trí làm tăng tính thẩm mỹ của lớp.

Môi trường lớp học Montessori ngoài trời: Không gian ngoài trời đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện. Môi trường ngoài trời có các góc, khu vực kích thích trẻ chơi, tìm hiểu, khám phá, trải nghiệm với thiên nhiên. Việc sắp xếp các góc chơi ngoài trời luôn mới hấp dẫn lôi cuốn trẻ (thay đổi theo chủ đề/ tháng). Môi trường bên ngoài lớp học cần được thiết kế và bài trí gần gũi với môi trường tự nhiên. Shin Hoa Sick (2006) đã chỉ ra rằng cần có các đồ dùng, đồ chơi và trang thiết bị cho môi trường bên ngoài lớp học Montessori như sau: bàn để trẻ có thể ngồi hoạt động hoặc ăn uống, có một khu vườn để trẻ có thể trồng và quan sát môi trường tự nhiên, thiết bị nuôi và chăm sóc động vật, tổ chim và ao sen, trang thiết bị cần thiết cho một số trò chơi (trò chơi nước, trò chơi cát, trò chơi với giáo cụ, ghế ngồi...).

Môi trường vật chất thường xuyên được rà soát, sắp xếp lại: Có kế hoạch rà soát môi trường vật chất để thay đổi, bổ sung và khai thác hiệu quả. Đảm bảo các góc chơi an toàn, hấp dẫn đối với trẻ.

### **b) Môi trường xã hội**

Nhấn mạnh đến sự tôn trọng trẻ: Lắng nghe tích cực và sử dụng lời nói cảm nhận bản thân. Khi cô nói - trẻ lắng nghe và ngược lại, đồng thời không ai cắt ngang khi người khác nói. Ngoài ra, các trẻ cũng biết tôn trọng lượt của người khác.

Không áp dụng hình thức khen chê, thưởng phạt: Tất cả trẻ trong lớp đều được tôn trọng, được đối xử công bằng như nhau và thay vì thưởng, phạt các giáo viên sẽ dùng hình thức khích lệ, ghi nhận để động viên, khuyến khích trẻ.

GV không can thiệp khi trẻ đang tập trung làm việc: Việc can thiệp chỉ xảy ra khi trẻ gặp tình huống nguy hiểm hoặc nghịch giáo cụ.

GV cũng là hình mẫu về sự tôn trọng lẫn nhau: GV đi lại rất nhẹ nhàng và khi muốn trao đổi việc gì, GV sẽ đến vỗ nhẹ vào vai người cần nói và nói thầm vào tai thay vì gọi to trong lớp vì các GV không muốn làm ảnh hưởng đến sự tập trung của trẻ.

Bầu không khí lớp học ổn định, yên bình có tính xã hội và cảm xúc: Lớp học không ồn ào quá nhiều tiếng ồn. Bầu không khí lớp học có nhiều cảm xúc, trẻ cảm thấy vui vẻ tham gia các hoạt động.

Môi trường tạo cho trẻ có cảm giác thoải mái, thân thuộc, an toàn và không sợ hãi: GV không quát mắng, áp đặt trẻ tham gia hoạt động. Các nhu cầu và hoạt động của trẻ được tôn trọng.

Có các cơ hội cho tương tác giữa trẻ - trẻ và giữa trẻ - người lớn một cách thường xuyên và tích cực: GV luôn tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau. GV sẵn sàng phản hồi khi trẻ có nhu cầu tương tác.

Môi trường Montessori hướng đến tính cộng đồng cao: Những hoạt động cộng đồng, trò chơi kết hợp đội nhóm sẽ giúp bé phát huy khả năng lãnh đạo, tinh thần đoàn kết cũng như sự đồng cảm với mọi người xung quanh. Đặc điểm nổi bật ở môi trường lớp học Montessori là giúp con được là chính mình, mỗi bé đều sở hữu riêng khả năng và tâm tính khác nhau. Do đó, thông qua các hoạt động giao tiếp xã hội, các em có thể học hỏi lẫn nhau, tự tin hơn trong giao tiếp và phát triển kỹ năng ứng xử tình huống thật thông minh.

## ***1.5. Vai trò của người giáo viên và trẻ trong lớp học Montessori***

### **a) Vai trò của người gv**

\* GV là người thiết kế và bài trí môi trường giáo dục

GV Montessori phải dành nhiều thời gian, công sức để thiết kế và bài trí môi trường giáo dục đảm bảo tốt nhất và phù hợp nhất với đặc điểm phát triển tâm sinh lý của trẻ (Pack Kuyng Hee và Lee Song Suck, 2001).

Môi trường giáo dục được coi là phù hợp trong lớp học Montessori khi tất cả mọi thứ phải được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, đúng vị trí, sạch sẽ và không bụi bặm. Tất cả các đồ dùng, giáo cụ phải luôn đặt trong tình trạng sẵn sàng, chào mời mọi hoạt động của trẻ, mang lại cho trẻ cảm giác mới lạ, an toàn. Trẻ em tiếp thu vào trong đầu một cách có thứ tự về trật tự của đồ dùng giáo cụ, đồng thời có ý thức tôn trọng, bảo vệ và giữ gìn môi trường giáo dục.

\* GV là người khích lệ, động viên trẻ tự nguyện, tích cực trong hoạt động.

GV Montessori là người tích cực và chủ động để giúp trẻ có thể phát triển một cách tự nhiên thông qua các hoạt động tự nguyện của bản thân trẻ. GV tạo ra được sự liên kết và gắn bó mật thiết giữa trẻ em và môi trường giáo dục. GV vừa khích lệ động viên trẻ tự nguyện và tích cực trong hoạt động vừa phải giải thích và giáo dục trẻ nhẹ nhàng thông qua môi trường. Shin Hoa Sick (2006) đã phân chia vai trò động viên, khích lệ của người GV ra thành 3 yếu tố: Phải làm mẫu chính xác, phù hợp với đặc điểm, khả năng và sự phát triển của trẻ ở từng giai đoạn khác nhau.

Trong quá trình quan sát trẻ hoạt động, GV phải tiến hành làm mẫu lại đối với những trẻ gặp khó khăn để giúp cho trẻ có thể tự hoạt động một cách tích cực.

Sau khi luyện tập nhiều lần, khi trẻ đã hoàn thành việc luyện tập, GV giúp đỡ để trẻ nhận thức được bản thân mình đã học tập được điều gì qua quá trình hoạt động.

\* Người quan sát và ghi chép

GV Montessori cần quan sát để nắm rõ được trẻ quan tâm, hứng thú và tập trung nhất vào cái gì? Trẻ muốn nhận được sự giới thiệu về hoạt động với đồ dùng, giáo cụ nào? Hoạt động nào là cần thiết với trẻ? Để có thể trả lời được các câu hỏi này người GV phải làm tốt vai trò của một người quan sát và ghi chép.

Torrence & Chattin - McNichols (2009) nhấn mạnh các phương pháp đánh giá như: đánh giá Portfolio, đánh giá việc hoàn thành hoạt động, hay đánh

giá dựa trên kết quả quan sát của GV. Mặt khác thông qua quan sát GV cần nắm bắt được những hướng dẫn hoặc giúp đỡ đối với từng cá nhân trẻ nào đó về những khái niệm, kỹ năng cần thiết phải đạt.

\* Người hướng dẫn (người làm mẫu)

Trong lớp học Montessori, khi giới thiệu cho trẻ một giáo cụ mới, GV phải thực hiện các động tác mẫu chậm rãi và chính xác về cách thức sử dụng giáo cụ đó cho trẻ quan sát. Phải giải thích những thao tác mẫu đó bằng những lời nói rõ ràng, ngắn gọn và dễ hiểu. Các hành động của GV phải được thực hiện tuần tự theo một trình tự để trẻ học theo. GV còn phải nhắc nhở trẻ những điều lưu ý khi sử dụng và cho phép trẻ được nhắc nhở lại những điều lưu ý này với các trẻ khác.

### **b) Vai trò của trẻ**

\* Trẻ đóng vai trò chủ động, tích cực và tự học thông qua quá trình tương tác với giáo cụ, và với bạn trong lớp.

\* Trẻ tôn trọng những người xung quanh, trẻ khác đang học (không tranh giành đồ dùng, giáo cụ khi người khác đang sử dụng), cũng như sự trật tự trong lớp.

\* Trẻ tôn trọng và bảo vệ môi trường lớp học với ý thức chăm sóc, giữ gìn sự ngăn nắp, gọn gàng và sạch sẽ.

## ***1.6. Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN***

### **a) Nguyên tắc của phương pháp giáo dục Montessori**

Có 6 nguyên tắc cơ bản, đó là:

\* Tôn trọng quyền tự do của trẻ, không áp đặt trẻ: trẻ được tự do lựa chọn hoạt động yêu thích theo nhịp độ học tập, khả năng riêng, ưu tiên sự phát triển tính tập trung và cá nhân. Trẻ tự do khám phá trong nhà và ngoài trời theo cách riêng, miễn bảo đảm an toàn.

\* Học đi đôi với hành: Trẻ bắt chước những hoạt động mà bản thân quan sát được và tự thực hành với các giáo cụ, theo các nhiệm vụ để đạt mục tiêu.

\* Môi trường thân thiện, không tồn tại phần thưởng hay trừng phạt: Nếu trẻ làm sai một việc nào đó, GV hướng dẫn lại cách làm đúng để trẻ quan sát. GV động viên, khích lệ và ghi nhận sự cố gắng của trẻ thay vì trao thưởng, khen ngợi. GV giúp trẻ tự nhận ra những việc trẻ làm chưa đúng.

\* Không làm ảnh hưởng đến sự tập trung của trẻ: GV không can thiệp hay ngắt đứt mạch tập trung của trẻ. Trẻ cần tập trung để tìm cách chơi riêng, đây là thời gian trẻ đang tư duy, phân tích và giải quyết vấn đề gặp phải trong công việc.

\* Thiên nhiên truyền cảm hứng cho trẻ: Đưa trẻ ra học ở ngoài trời và đưa thiên nhiên vào lớp học là cách làm tuyệt vời nhất.

\* GV, cha mẹ chỉ là người hỗ trợ, đồng hành cùng trẻ: GV, cha mẹ quan sát để có định hướng, hướng dẫn và tạo môi trường học tập phù hợp để trẻ chủ động, tự học theo năng lực và sở thích của riêng mình.

## **b) Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN**

### **\* Ưu điểm và hạn chế của phương pháp Montessori**

*Ưu điểm:*

- + Tổ chức lớp học hỗn hợp các độ tuổi.
- + Trẻ em được tự do thoải mái trong quá trình hoạt động và sinh hoạt, tính khoa học của các đồ dùng, giáo cụ Montessori.
- + Trẻ em là chủ thể tự do và là trung tâm của quá trình hoạt động.
- + Rèn luyện tính tự lập và sự tập trung cho trẻ.
- + Phát triển não trái bằng những bài học tư duy
- + Trẻ hiểu bản chất vấn đề chứ không học vẹt.
- + Rèn tính cách, không chỉ có kiến thức khoa học.
- + Ưu tiên cho việc huấn luyện các kỹ năng sống trong sinh hoạt hằng ngày, tạo mọi điều kiện và cơ hội cho trẻ được tập trung chú ý vào hoạt động.

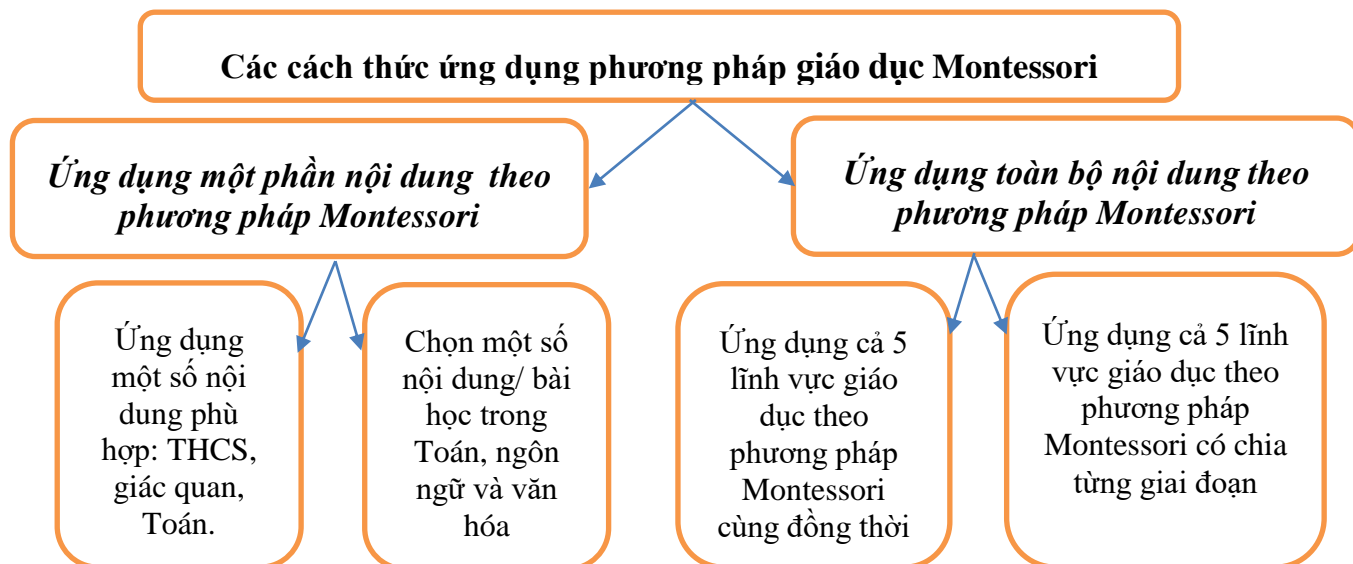
*Hạn chế:*

- + Thiếu nhận thức về mối quan hệ giữa sự phát triển cá nhân với văn hóa xã hội.
- + Coi nhẹ vai trò của trò chơi và quá trình sáng tạo.
- + Trẻ dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, bất an khi ép trẻ học đọc, viết theo phương pháp Montessori do sự khác biệt về hệ thống ngôn ngữ của mỗi quốc gia.

\* Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN

Chương trình và phương pháp giáo dục Montessori có nhiều nội dung tương đồng, phù hợp với chương trình GDMN Việt Nam như: giáo dục thực hành cuộc sống, phát triển giác quan, ngôn ngữ, toán học và các nội dung khác trong văn hóa. Việc ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori giúp trẻ có được những kiến thức nền theo từng lĩnh vực, các kỹ năng và phát triển nhân

cách toàn diện. Do yêu cầu khá chặt chẽ của phương pháp giáo dục này, nên mức độ ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori theo nhiều cách khác nhau:



Việc ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN có nhiều điểm thuận lợi tùy thuộc vào điều kiện thực tế của các cơ sở GDMN như: (i) Có thể mua bộ giáo cụ nguyên bản và đào tạo GV thực hiện hướng dẫn trẻ học; (ii) Có thể tận dụng đồ dùng sẵn có trong thực tế, hoặc sáng tạo một số giáo cụ theo nguyên tắc của phương pháp giáo dục Montessori, phù hợp với mục tiêu trong chương trình GDMN; (iii) Có thể sáng tạo ra những đồ dùng, giáo cụ tùy điều kiện thực tế song vẫn cần đảm bảo triết lý, mục tiêu và nguyên tắc của phương pháp giáo dục Montessori. Tuy nhiên điều quan trọng nhất là phải đào tạo đội ngũ GVMN thực hiện việc giáo dục trẻ theo triết lý và nguyên tắc theo phương pháp giáo dục Montessori.

## **Hoạt động 2: Tìm hiểu về giáo dục STEM/ STEAM trong GDMN (04 tiết lý thuyết)**

### **a) Mục tiêu:**

- + Phân tích được những đặc điểm nổi bật của giáo dục STEM/ STEAM.
- + Đối chiếu so sánh được đặc điểm, yêu cầu và nguyên tắc của giáo dục STEM/ STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục với điều kiện thực tế của cơ sở GDMN.
- + Chọn lựa được cách thức ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN mình phụ trách.

**b) Chuẩn bị:**

*Phía giảng viên:*

- + Tài liệu viết của mô đun.
- + Bản trình chiếu Power point bài giảng.
- + Phiếu giao nhiệm vụ hoạt động 2.
- + Đoạn clip quay môi trường lớp học ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM.

*Phía học viên:*

- + Bút, giấy để thực hiện phiếu nhiệm vụ hoạt động 2.
- + Chuẩn bị các câu hỏi/ ý kiến về việc ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM trong thực hiện chương trình GDMN.

**c) Tổ chức hoạt động:**

**PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2**

**1. Nhiệm vụ 1. Xem đoạn clip và thảo luận nhóm**

Xem clip về môi trường lớp học và hoạt động học của trẻ MN (khoảng 10 phút) và chia sẻ cảm nhận của anh/ chị về hoạt động vừa xem, những điều anh/ chị thấy tâm đắc là gì? Tại sao?

**2. Nhiệm vụ 2. Thảo luận**

Câu hỏi 1. Chia sẻ hiểu biết của anh/ chị về giáo dục STEAM/ STEAM? (thảo luận 10 phút).

Câu hỏi 2. Nếu được yêu cầu ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM vào trường/ lớp MN của mình, anh/ chị thấy cần có thêm những điều kiện gì? (thảo luận 20 phút).

**THÔNG TIN PHẢN HỒI**

**Giáo dục STEM/ STEAM**

**2.1. Giới thiệu chung về giáo dục STEM/ STEAM**

**a) Khái niệm**

Hiểu về giáo dục STEM/ STEAM, trước hết cần làm rõ khái niệm STEM/ STEAM và giáo dục STEM/ STEAM.

\* **STEM**: là thuật ngữ viết tắt của các từ **Science** (Khoa học), **Technology** (Công nghệ), **Engineering** (Kỹ thuật), **Math** (Toán học).

Tuy nhiên, từng môn Toán, Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật thay vì được dạy độc lập một cách rời rạc như trước đây, thì STEM sẽ tích hợp kiến thức, kỹ

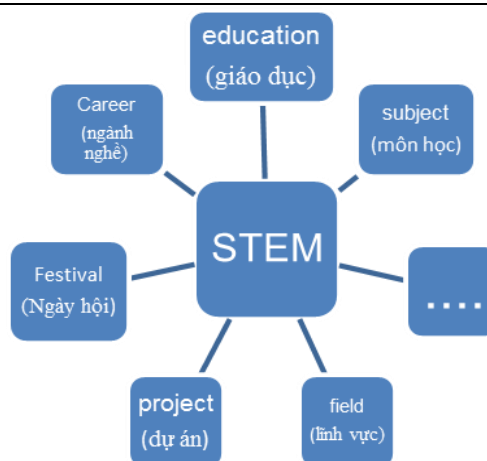
năng từ nhiều lĩnh vực, rèn luyện tư duy đa chiều, kết nối các kiến thức để giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống.

Theo đó, trong thực tiễn đã xuất hiện thêm một số thuật ngữ có nguồn gốc từ cách hiểu tích hợp về STEM, như: STEAM, khi tích hợp thêm A - Art; STREAM, khi tích hợp thêm R - Reading, hay METALS, khi tích hợp thêm L - Literacy.

Trong đó, giáo dục STEM đang được sự quan tâm và vận dụng ngày càng phổ biến ở nhiều quốc gia, với hầu hết các bậc học.

\* STEM có nguồn gốc từ quỹ khoa học quốc gia (NSF) vào những năm 1990 và đã được sử dụng như một cụm từ viết tắt chung cho mọi sự kiện, chính sách, chương trình hoặc liên quan đến một hoặc một số môn học thuộc 4 lĩnh vực S (Khoa học), T (Công nghệ), E (Kĩ thuật) và M (Toán học).

Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến STEM cũng được phổ biến và nhận được sự quan tâm của nhiều tầng lớp, đối tượng, như minh họa ở hình bên:



\* **Giáo dục STEM:** Có nhiều cách hiểu và tiếp cận STEM, tuy nhiên theo hiệp hội các GV dạy khoa học quốc gia Mỹ (NSTA) thì:

"Giáo dục STEM là một cách tiếp cận liên ngành (tích hợp) trong quá trình học, trong đó các khái niệm học thuật mang tính nguyên tắc được lồng ghép với các bài học trong thế giới thực, ở đó các học sinh áp dụng các kiến thức trong khoa học, công nghệ, kỹ thuật và Toán vào trong các bối cảnh cụ thể, giúp kết nối giữa trường học, cộng đồng, nơi làm việc và các tổ chức toàn cầu, để từ đó phát triển các năng lực trong lĩnh vực STEM và có thể góp phần vào cạnh tranh trong nền kinh tế mới". (Tsupros, 2009)

Với cách hiểu này thì giáo dục STEM được hiểu:

- Trước hết là cách tiếp cận trong giáo dục, dựa trên nền tảng giảng dạy các môn STEM.



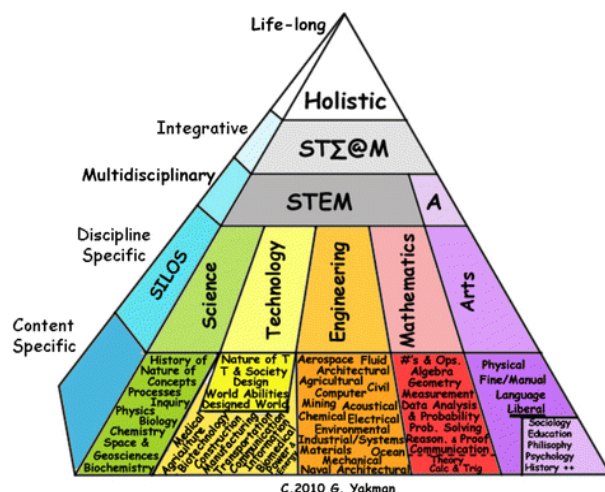
- Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán với đặc trưng nổi bật là tính tích hợp (liên môn, liên ngành); đồng thời học sinh được phát triển các năng lực trong lĩnh vực STEM.

- Đây cũng là những năng lực thiết yếu của người công dân thế kỷ 21, như là: sáng tạo, hợp tác, giao tiếp hiệu quả, tư duy phản biện...

- Tiếp đến, nhiệm vụ của nhà giáo dục là tạo ra cơ hội cho học sinh học tập các kiến thức học thuật theo một cách gần gũi, gắn liền với cuộc sống thực, trong những bối cảnh cụ thể; tạo ra sự kết nối và phối hợp giữa nhà trường với cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan... qua đó, học sinh không chỉ học trên sách vở mà có cơ hội tương tác với môi trường sống, làm việc thực tế.

## b) Mục tiêu giáo dục STEM

Giáo dục STEM không phải là giáo dục để học sinh trở thành những nhà toán học, nhà khoa học, kỹ sư hay những kỹ thuật viên mà là xây dựng cho học sinh có kỹ năng - có thể được sử dụng để vận dụng và phát triển trong thế giới công nghệ hiện đại ngày nay.



### Kỹ năng của học sinh thế kỷ 21

## 2.2. Đặc điểm của giáo dục STEM/ STEAM

### a) Giáo dục STEM là giáo dục tích hợp và ứng dụng

Khi các môn học được dạy độc lập và tách rời nhau, học sinh ít có cơ hội được sử dụng những kiến thức đã học của môn này để làm nền tảng hay cơ sở phát triển hoặc khai thác kiến thức, kỹ năng của môn khác. Học sinh học với yêu cầu nắm vững kiến thức để hoàn thành bài tập, bài kiểm tra trên giấy, theo một đáp án có sẵn mà ít có cơ hội được kết nối với cuộc sống thực tiễn.

Giáo dục STEM là giáo dục tích hợp, mỗi bài học được thiết kế tích hợp kiến thức, kỹ năng của ít nhất hai lĩnh vực/ môn học (thường là Toán và Khoa học, rồi các môn học khác) và thường được gắn với bối cảnh cuộc sống thực là những vấn đề diễn ra trong cuộc sống xung quanh, có thể là những vấn đề đơn giản như làm một món ăn, thiết kế một bản thuyết trình... hay đến các vấn đề vĩ mô hơn mang tầm quốc gia hay toàn cầu, như biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh...

### **b) Giáo dục STEM là GD thông qua hoạt động trải nghiệm**

Theo phương pháp dạy học phổ biến trước đây, GV là người cung cấp kiến thức (qua thuyết trình hay giảng giải), còn học sinh là người nghe - ghi nhớ và làm theo => người học thụ động, ghi nhớ máy móc, hạn chế năng lực tư duy logic và phản biện.

Giáo dục STEM khuyến khích và tạo cơ hội để người học tự mình giải quyết nhiệm vụ, tự mình tìm kiếm và thu thập thông tin, chủ động trong công việc của mình.

### **c) Giáo dục STEM chú trọng phát triển năng lực tư duy, khuyến khích nghiên cứu và giải quyết vấn đề**

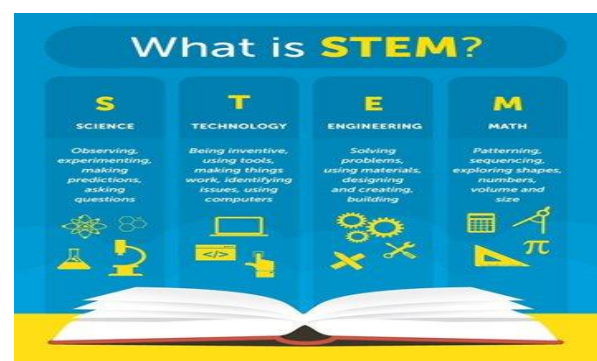
Nền tảng của việc học khoa học là dựa trên sự điều tra và thăm dò - đây là hai nguyên tố chính của STEM.

Theo phương pháp dạy học phổ biến trước đây, mỗi vấn đề/ bài tập thường chỉ có một đáp án, điều đó đã bó hẹp cơ hội sáng tạo của người học khi tìm lời giải đáp cho nhiệm vụ hay vấn đề họ đang cần giải quyết. Giáo dục STEM khuyến khích người học tìm tòi, đưa ra các cách giải quyết khác nhau. Giáo dục STEM cũng coi những thất bại là cơ hội học tập hữu ích, giúp người học tự phát hiện ra được nguyên nhân và chủ động tìm cách khắc phục.

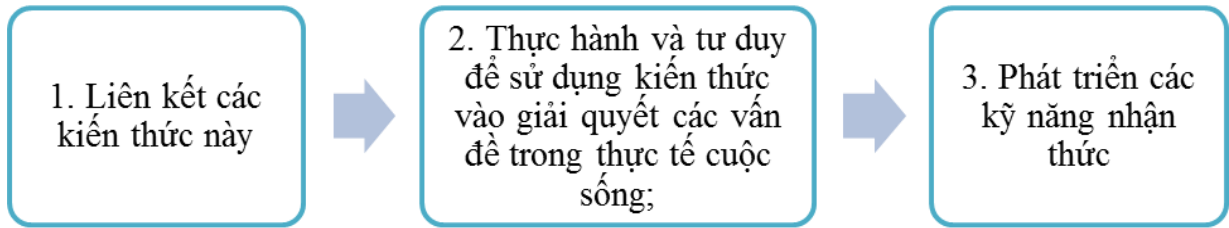
## **2.3. Nội dung giáo dục STEM/ STEAM**

### **a) Khoa học trong giáo dục STEAM**

Trong giáo dục STEM, học sinh được phát triển các kỹ năng khoa học, lĩnh hội những kiến thức về các khái niệm, các nguyên lý, các định luật và các cơ sở lý thuyết của giáo dục khoa học. Thông qua giáo dục khoa học, học



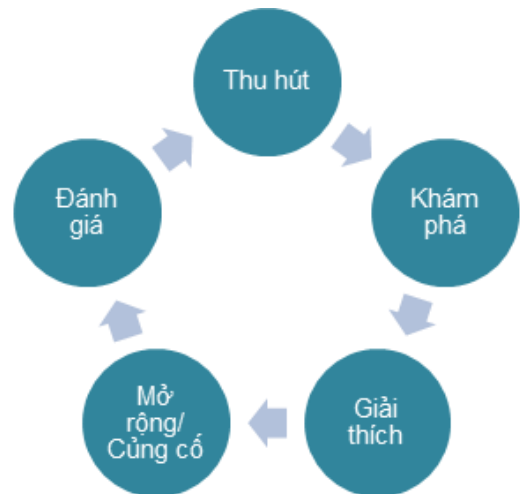
sinh có khả năng:



Với trẻ MN, khoa học là nghiên cứu (quan sát, điều tra, khám phá) và hiểu biết về thế giới xung quanh, về cuộc sống gần gũi thường ngày.

Ví dụ: Điều tra về trang phục của các bạn trong lớp; làm thí nghiệm để tìm hiểu khái niệm “Chìm - Nổi”.

### ***GIÁO ÁN 5E – Mô hình bài học khám phá STEM điển hình***



## Cụ thể các bước:

### Engage (Thu hút)

Phần này của buổi học giúp học sinh thấy cuốn hút với vật thể, hiện tượng hoặc câu hỏi. Các khám phá và điều tra có sự hấp dẫn sẽ giúp trẻ tạo các kết nối, mối liên hệ với những gì các con biết và có thể làm.

Điều giáo viên cần làm

- Tạo hứng thú
- Tạo sự tò mò
- Đặt ra câu hỏi
- Khơi gợi các câu trả lời từ trẻ để biết được trẻ đã biết hoặc nghĩ gì về nội dung hoặc chủ đề đó

Điều trẻ được làm

- Khám phá vật liệu & vật thể
- Đưa ra các câu hỏi
- Chia sẻ các kết quả quan sát

### Explore (Khám phá)



Trẻ làm việc với nhau để khám phá ý tưởng qua các hoạt động trải nghiệm và điều tra thực tế có kế hoạch. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, trẻ tự làm sáng tỏ kiến thức về các nội dung và kỹ năng chính.

Điều giáo viên cần làm

- Khuyến khích trẻ tự thực hiện với nhau mà không cần sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên
- Quan sát và lắng nghe trẻ tương tác
- Dành thời gian cho trẻ cố gắng giải tự quyết vấn đề
- Có thể đặt câu hỏi để đổi hướng cuộc điều tra của trẻ khi cần thiết

Điều trẻ được làm

- Suy nghĩ tự do, nhưng trong giới hạn của cuộc điều tra
- Thử các ý tưởng mới
- Hình thành các ý tưởng mới
- Thử các phương án khác và thảo luận với các bạn
- Ghi lại các kết quả quan sát và ý tưởng bằng cách vẽ, viết

### Explain (Giải thích)

Trẻ giải thích hiểu biết của mình về các khái niệm và quy trình đang học. Giáo viên có thể làm rõ hiểu biết của trẻ và giới thiệu các khái niệm và kỹ năng mới.

Điều giáo viên cần làm

- Khuyến khích trẻ giải thích khái niệm và thuật ngữ
- Hỏi cơ sở và giải thích từ trẻ
- Sử dụng các trải nghiệm trước đây của trẻ làm cơ sở để giải thích khái niệm.

Điều trẻ được làm

- Giải thích các cách thức hoặc biện pháp cho các bạn
- Nghe lời giải thích của các bạn
- Có thể đặt ra nghi vấn trước lời giải thích của các bạn
- Chia sẻ dữ liệu và kết quả quan sát với các bạn

### Extend/ Elaborate (mở rộng/củng cố)



Phần này của buổi học thử thách trẻ áp dụng những gì đã được học và phát triển thêm kiến thức và kỹ năng dựa trên sự hiểu biết về các nội dung khám phá. Giáo viên thường sẽ tích hợp một thử thách kỹ thuật trong phần này của bài giảng hoặc trong phần Explore (khám phá).

Điều giáo viên nên làm

- Khuyến khích trẻ áp dụng hoặc mở rộng kiến thức và kỹ năng trong các hoàn cảnh mới
- Yêu cầu trẻ dùng định nghĩa, giải thích một cách khoa học
- Cho trẻ một thử thách

Điều trẻ được khuyến khích làm

- Áp dụng các thuật ngữ, kiến thức và kỹ năng mới vào hoàn cảnh mới, nhưng có sự tương đồng
- Rút ra những kết luận hợp lý
- Ghi lại các kết quả quan sát, giải thích bằng hình vẽ trong sổ tay

### Evaluate (Đánh giá)

Đánh giá kiến thức, kỹ năng... của trẻ, thực hiện bởi cả giáo viên và trẻ

Điều giáo viên cần làm

- Quan sát trẻ trong suốt quá trình cuộc điều tra
- Quan sát cách trẻ ứng dụng kiến thức và kỹ năng mới
- Cho phép trẻ sử dụng kỹ năng học tập và hoạt động nhóm của chính mình
- Hỏi các câu hỏi mang tính gợi mở.

Điều trẻ được làm

- Nghĩ ra các câu hỏi mới, trả lời các câu hỏi mang tính gợi mở bằng sự quan sát và bằng chứng thực tế.
- Chứng minh việc hiểu vấn đề hoặc thể hiện kiến thức về nội dung và kỹ năng
- Tự đánh giá sự tiến bộ và kiến thức của mình
- Hỏi các câu hỏi liên quan mà nó sẽ mở ra các cuộc điều tra mới trong tương lai

### **b) Toán trong giáo dục STEAM**

Toán chính là cách đo lường, toán là số (1,2,3..) là các quy tắc - kiểu mẫu, là hình khối, là khối lượng, là kích thước... Học sinh có kỹ năng toán học sẽ có khả năng thể hiện các ý tưởng một cách chính xác, có khả năng áp dụng các khái niệm và kỹ năng toán học vào cuộc sống hằng ngày.

Trong giáo dục STEM, kỹ năng toán còn là khả năng nhìn nhận và nắm bắt được vai trò của toán học trong mọi khía cạnh tồn tại trong thế giới xung quanh.

Với trẻ MN, Toán học là nghiên cứu và hiểu về hình dạng, số lượng, khối lượng, quy tắc/ hình mẫu...và ứng dụng Toán trong cuộc sống.

Ví dụ: sắp xếp bàn ăn, đong đo nước, trang trí khung tranh...

### **c) Công nghệ trong giáo dục STEAM**

Là những gì đơn giản nhất, như những vật dụng hằng ngày: quạt mo, cái bút chì... đến những hệ thống phức tạp như mạng internet, mạng lưới điện quốc gia, vệ tinh...

Tất cả những thay đổi của thế giới tự nhiên mà phục vụ nhu cầu của con người thì đều được coi là công nghệ. Đó có thể là những sáng chế đơn giản trong cuộc sống như tạo ra cách bảo quản thực phẩm (muối dưa, muối cà...) hay đến những sáng chế vĩ mô hơn (tạo điện từ dòng nước- thủy điện, từ gió- phong điện).

Trong giáo dục STEM, công nghệ chú ý đến việc sử dụng các dụng cụ, phát triển các kỹ năng vận động tinh, óc sáng chế, cách làm cho mọi thứ hoạt động. Đó chính là khả năng sử dụng, quản lý, hiểu biết, và truy cập được công nghệ.

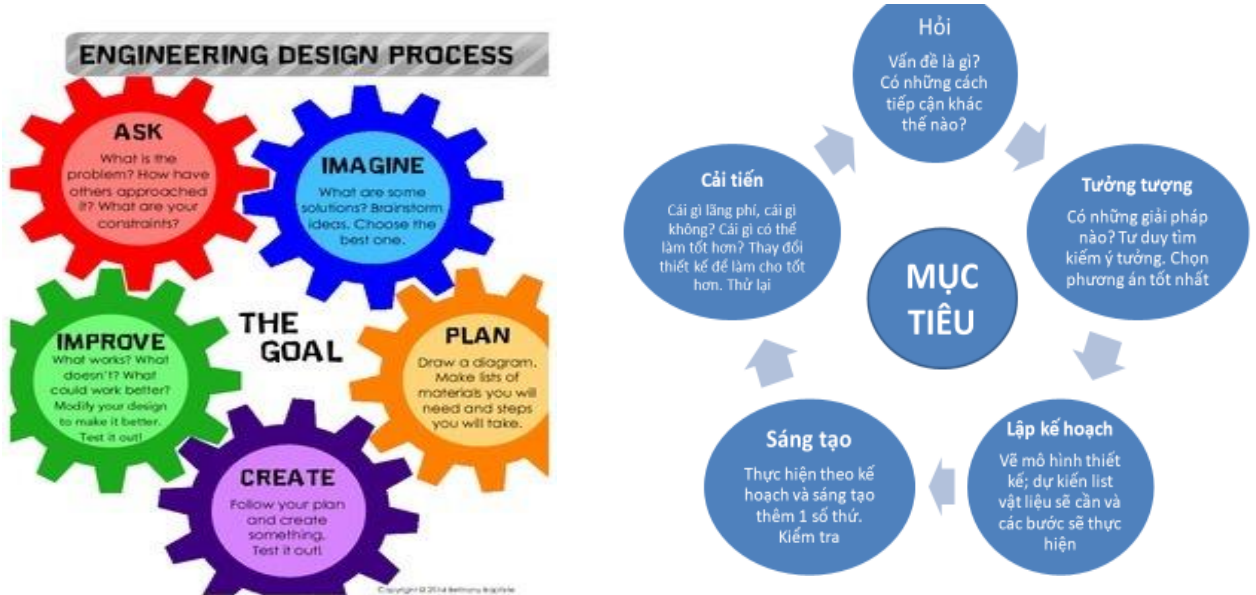
Với trẻ MN, Công nghệ đề cập đến việc hiểu và biết sử dụng các công cụ và máy móc đơn giản trong cuộc sống sinh hoạt, học tập hàng ngày, giúp công việc dễ dàng hơn, cuộc sống thuận tiện hơn.

Ví dụ: Hiểu biết về và sử dụng các đồ gia dụng quen thuộc, đơn giản trong nhà/ lớp MN.

### **d) Kỹ thuật trong giáo dục STEAM**

Kỹ năng kỹ thuật là khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn diễn ra trong cuộc sống bằng cách thiết kế các đối tượng, hệ thống và xây dựng các quy trình sản xuất để tạo ra đối tượng. Trong giáo dục STEM, kỹ thuật chính là cách làm.

Hiểu một cách đơn giản là học sinh được trang bị kỹ năng kỹ thuật là có khả năng sản xuất/ tạo ra đối tượng và hiểu được quy trình để làm ra nó. Điều đó có nghĩa là học sinh phải có khả năng: phân tích, tổng hợp và kết hợp để biết cách làm thế nào cân bằng các yếu tố liên quan (như khoa học, nghệ thuật, công nghệ, kỹ thuật), từ đó đưa ra được một giải pháp tốt nhất trong thiết kế và xây dựng quy trình.



### ***Quy trình thiết kế kỹ thuật ERP - điểm nhấn trong giáo dục STEM***

Với trẻ MN, kỹ thuật là giải quyết vấn đề, là sử dụng phong phú các loại công cụ, vật liệu, là thiết kế và sáng tạo, là tạo ra một sản phẩm có nghĩa. Ví dụ: Pha chế nước chanh tốt cho sức khỏe; Thiết kế ga-ra ô tô cao tầng.

### **e) Nghệ thuật trong giáo dục STEAM**

Nghệ thuật là sử dụng sự sáng tạo và trí tưởng tượng để tăng sự phát triển các kỹ năng thiết yếu của STEM, cũng như tăng cường tính linh hoạt, khả năng thích ứng, năng suất, trách nhiệm và đổi mới - tất cả các kỹ năng cần thiết cho sự nghiệp thành công trong bất kỳ lĩnh vực nghiên cứu nào.

Nghệ thuật trong STEAM đại diện cho nghệ thuật thị giác, nghiên cứu xã hội, lịch sử, nghệ thuật vật lý, mỹ thuật, âm nhạc... và những gì thuộc về tính nhân văn.

Với trẻ MN, Nghệ thuật (Art) không chỉ là cái đẹp, nó còn là cách trẻ “viết” về cuộc sống, về những điều trẻ cảm nhận được và sáng tạo ra những giá trị tốt đẹp trong suốt hành trình khám phá thế giới xung quanh. Ví dụ: Thiết kế thời trang tái chế; Làm nữ trang gây quỹ từ thiện.

### **Tóm lại, giáo dục STEM cho trẻ MN cần đạt được:**

- Thay vì dạy riêng từng môn này, STEM tích hợp tất cả các môn học với các dự án học tập và thử thách thực hành.
- Hầu hết các bài học liên quan đến trẻ em làm việc cùng nhau như một đội/ nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan.
- Cuối cùng sẽ cho trẻ em thấy cách nghiên cứu của chúng có thể được áp dụng vào thế giới thực.

### **2.4. Môi trường giáo dục STEM/ STEAM**

#### **a) Môi trường vật chất**

##### **\* Không gian:**

- Bất cứ không gian nào trong trường/ lớp MN cũng đều có thể được tận dụng làm nơi không gian học tập, khám phá và sáng tạo, áp dụng giáo dục STEM.
- Không gian đặc thù: có thể tạo riêng một phòng dành cho các hoạt động STEM như STEM lab (phòng STEM), Maker space (Không gian sáng tạo).

##### **\* Học liệu, phương tiện và đồ dùng:**

- Học liệu mở, sẵn sàng và gợi mở.
- Sách và đặc biệt sách STEM đa dạng, được sắp xếp thu hút và sẵn sàng.
- Các công cụ, dụng cụ, phương tiện sinh hoạt, học tập được lựa chọn phù hợp với lứa tuổi và sắp xếp an toàn, thuận lợi, sẵn sàng cho việc sử dụng.
- Các mô hình, tranh ảnh, vật thật được sưu tầm, trưng bày và mời gọi sự tò mò, tìm tòi và mong muốn khám phá.
- Vật liệu thiên nhiên và tái chế là nguồn học liệu hữu dụng, rẻ tiền và sẵn có tại địa phương cần được khuyến khích thu thập, sử dụng thường xuyên.

#### **b) Môi trường xã hội**

- Không khí vui vẻ, sôi nổi, hào hứng với những câu hỏi, chia sẻ, giải đáp, thảo luận về các vấn đề trẻ quan tâm và cùng giải quyết tâm.
- Trẻ luôn bận rộn: Một “công xưởng” bận rộn với các hoạt động trải nghiệm, thiết kế, sắp đặt, tháo lắp hay sửa chữa hoặc sáng tạo, cùng với các công cụ, vật liệu phong phú.
- Trẻ vui vẻ và hạnh phúc: trẻ được tôn trọng, được lắng nghe, được chia sẻ với bạn bè và cô giáo trong các hoạt động.

## ***2.5. Giáo viên và học sinh trong lớp học ứng dụng giáo dục STEM/STEAM***

### **a) GV trong lớp học STEM**

- Luôn khuyến khích trẻ khám phá, điều tra. Dạy học sinh suy nghĩ và hành động giống như các nhà khoa học. Cung cấp nhiều cơ hội để phát triển cho trẻ các kỹ năng điều tra, như: quan sát, đặt câu hỏi, ghi chép và lưu giữ thông tin...

- Chú ý đến sở thích của trẻ; thu thập các nguồn liên quan để thu hút trẻ trong việc giải quyết vấn đề.

- Phân bổ thời gian và không gian để thăm dò, chia sẻ hay thuyết trình.

- Trợ giúp quá trình học tập của học sinh dựa trên truy vấn, thực hành và lấy học sinh làm trung tâm.

- Khuyến khích học sinh thiết kế và chế tạo một mô hình hoặc nguyên mẫu cho giải pháp của mình.

- Cho học sinh thời gian để thử nghiệm giải pháp, đánh giá kết quả và thiết kế lại nếu cần thiết.

- Ghi nhận, khuyến khích, động viên, không phán xét, không kỳ thị.

### **b) Học sinh trong lớp học STEM**

- Học sinh được lên tiếng. Tất cả học sinh có thể tham gia kể câu chuyện của chúng về cuộc điều tra, theo cách mà chúng cảm thấy hứng thú và tự tin.

- Trình bày một vấn đề mở có tính thực tế và thuyết phục cao.

- Tích hợp và ứng dụng nội dung khoa học và toán phù hợp với cấp học.

- Sử dụng quy trình thiết kế kỹ thuật để giải quyết vấn đề.

- Sử dụng công nghệ để gia tăng giá trị và nâng cao khả năng học hỏi.

- Được làm việc nhóm để giải quyết vấn đề.

- Được chấp nhận nhiều cách giải quyết khác nhau.

- Có cơ hội để phát triển nhóm kỹ năng 4C trong các hoạt động.

- Xem sự thất bại là một bước tích cực để tiến tới việc khám phá và thiết kế giải pháp.

## ***2.6. Ứng dụng giáo dục STEM/STEAM trong thực hiện chương trình GDMN***

### **a) Yêu cầu và nguyên tắc:**

\* Yêu cầu:

- CBQL, GV được đào tạo đồng bộ, hệ thống về giáo dục STEM/STEAM và cách thức ứng dụng giáo dục STEM/STEAM trong trường MN.

- Có kế hoạch và lộ trình cụ thể, chi tiết cho từng khối/ lớp.



\* Nguyên tắc:

- **Đảm bảo tính mục đích:** các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động theo hướng ứng dụng giáo dục STEM phải đảm bảo hướng tới thực hiện chương trình GDMN, đạt được mục tiêu GDMN đã đề ra.

- **Đảm bảo tính hệ thống, kế thừa:** nội dung, hoạt động được tổ chức theo hướng ứng dụng giáo dục STEM phải đảm bảo được lựa chọn và thiết kế, tổ chức thực hiện dựa trên những kiến thức, kỹ năng mà trẻ đã có trước đó; phát huy được tiếp những gì trẻ đã được học và trải nghiệm, không đưa vào những nội dung kiến thức, kỹ năng hoàn toàn mới lạ, không kết nối được với vốn kinh nghiệm trẻ đã có.

- **Đảm bảo tận dụng tối đa điều kiện sẵn có tại cơ sở, địa phương:** Giáo dục STEM là cách tiếp cận giáo dục mà trong đó những gì trẻ học sẽ luôn được gắn liền với cuộc sống thực, cuộc sống diễn ra hàng ngày xung quanh trẻ. Vì vậy, khai thác tối đa những điều kiện sẵn có tại địa phương như truyền thống văn hóa, điều kiện tự nhiên, thói quen sinh hoạt, sản xuất... của người dân địa phương sẽ luôn là nguồn học liệu và môi trường trải nghiệm ý nghĩa, thiết thực và phong phú cho các hoạt động học tập của trẻ.

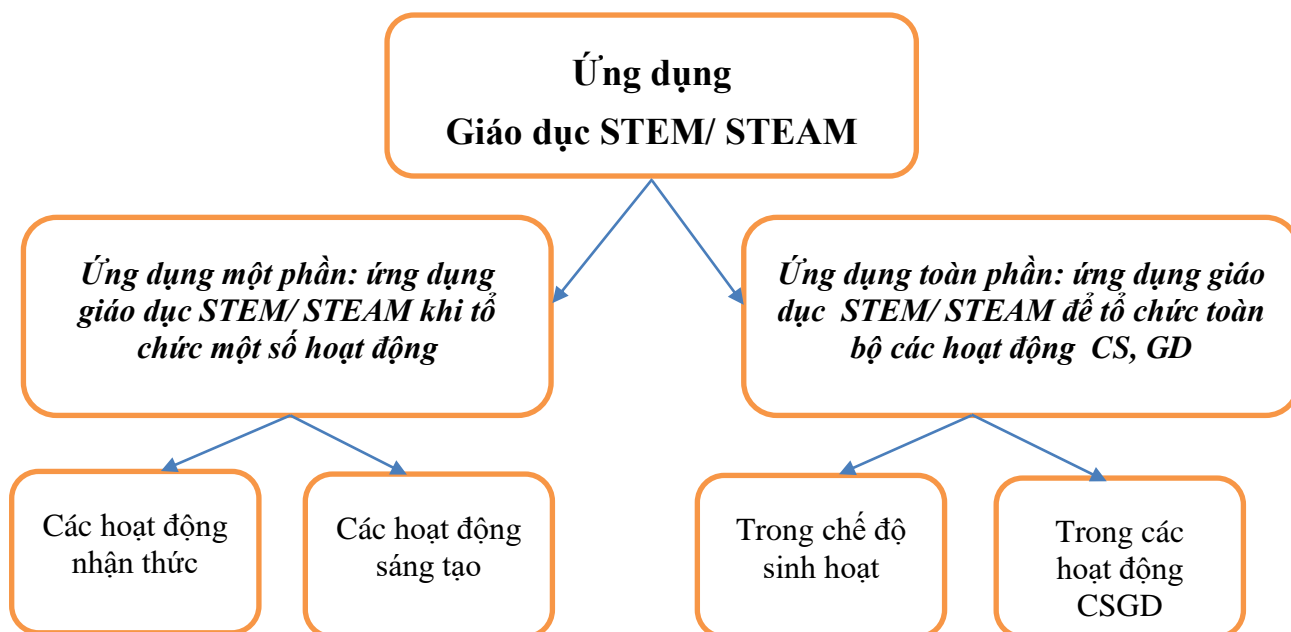
- **Đảm bảo ứng dụng theo nguyên tắc lấy trẻ làm trung tâm:** Giáo dục STEM nhấn mạnh đến học tập trải nghiệm, sự chủ động và tính sáng tạo của mỗi cá nhân, đặc biệt là tư duy phản biện trong quá trình tìm kiếm tri thức và rèn luyện kỹ năng. Vì vậy, mỗi hoạt động tổ chức cho trẻ cần được thiết kế, lựa chọn dựa trên nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong nhóm lớp và của từng cá nhân trẻ, sao cho mỗi đứa trẻ đều có cơ hội được trải nghiệm phù hợp với bản thân.

- **Đảm bảo sự kết nối chặt chẽ với gia đình và cộng đồng trẻ:** Như đã phân tích ở trên, giáo dục STEM là cách tiếp cận giáo dục mà trong đó những gì trẻ học sẽ luôn được gắn liền với cuộc sống thực, cuộc sống diễn ra hàng ngày xung quanh trẻ. Nói cách khác, kiến thức và kỹ năng mà trẻ có được qua trải nghiệm giáo dục STEM không chỉ đến từ trường học, từ GV mà nó còn là kết quả của quá trình tương tác, hỗ trợ của gia đình, cộng đồng... diễn ra mọi lúc, mọi nơi. Vì vậy, mỗi bài học, mỗi hoạt động của trẻ rất cần đến sự đồng hành, hỗ trợ, khuyến khích, hợp tác từ gia đình, cộng đồng nơi trẻ sinh sống và đến trải nghiệm.

## b) Ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM trong thực hiện chương trình GDMN

Giáo dục STEM/ STEAM nhấn mạnh đến cách thức tương tác với trẻ, tạo cơ hội cho trẻ được phát triển các năng lực thông qua việc thiết kế hoạt động và tạo dựng môi trường học tập cho trẻ của GV và những người lớn khác. Chương trình GDMN hiện hành cũng chú trọng tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm, hướng vào phát triển năng lực của trẻ. Vì vậy việc ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM trong thực hiện chương trình GDMN không làm thay đổi chương trình hay đòi hỏi phải có một chương trình mới. Tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn, các cơ sở GDMN, CBQL, GV có thể lựa chọn cách thức ứng dụng giáo dục STEM/ STEAM cho phù hợp.

Có 2 cách ứng dụng: Ứng dụng một phần và Ứng dụng toàn phần



Ví dụ 1: Ứng dụng giáo dục STEM khi tổ chức hoạt động Khám phá theo mô hình bài học 5E (Khám phá Vải).

Ví dụ 2: Ứng dụng giáo dục STEM khi tổ chức hoạt động sáng tạo (Tạo hình, Trò chơi Xây dựng - lắp ghép) theo quy trình thiết kế kỹ thuật EDP (Sáng tạo túi vải từ quần áo cũ).

Ví dụ 3: Ứng dụng giáo dục STEM trong các hoạt động hàng ngày.

- Khuyến khích trẻ khám phá, điều tra:

+ Khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan để quan sát thế giới xung quanh trong cuộc sống, qua sinh hoạt hàng ngày.

+ Đặt các câu hỏi mở về sự vật, hiện tượng xung quanh: cách chúng hoạt động, sự khác nhau, dự đoán tác động...

- Sử dụng các khái niệm/ ngôn ngữ Toán học để trò chuyện với trẻ trong các hoạt động hàng ngày.

- Khuyến khích trẻ hỏi:

+ Tạo cho trẻ sự tò mò về mọi thứ xung quanh.

+ Khiến việc hỏi trở nên thú vị, vui vẻ bằng việc hưởng ứng và thích thú qua các câu hỏi của trẻ.

+ Khiến việc hỏi được tưởng thưởng bằng sự khen ngợi, ghi nhận khi trẻ hỏi.

- Tạo cơ hội cho trẻ em khám phá, xây dựng, thí nghiệm, dự đoán, giả thiết và tích hợp kiến thức khi trẻ cố gắng hiểu được thế giới.

- Cung cấp cho trẻ sự kích thích, vật liệu và sự tự do khám phá.

- Học liệu mở, sẵn sàng và gợi mở, bao gồm:

+ Các công cụ.

+ Các phương tiện.

+ Các mô hình, tranh ảnh.

+ Vật thật.

+ Học liệu từ thiên nhiên và tái chế.

- Sách và tranh ảnh STEM cần được ưu tiên, sẵn sàng cho trẻ sử dụng và khuyến khích trẻ xem, đọc chúng...

- Luôn hướng dẫn trẻ sử dụng quy trình thiết kế kỹ thuật để giải quyết vấn đề gặp phải trong cuộc sống và trong học tập, vui chơi.

### **Hoạt động 3: Tìm hiểu Hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia trong GDMN**

#### **a) Mục tiêu:**

+ Phân tích những điểm nổi bật của hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia trong GDMN hiện nay;

+ Đối chiếu so sánh được đặc điểm, yêu cầu và nguyên tắc của hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia trong GDMN với điều kiện thực tế của cơ sở GDMN;

+ Chọn lựa được cách thức ứng dụng hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN mình phụ trách.

#### **b) Chuẩn bị:**

*Phía giảng viên:*

+ Tài liệu viết của mô đun.

+ Bản trình chiếu Powerpoint bài giảng.

+ Phiếu giao nhiệm vụ hoạt động 3.

*Phía học viên:*

+ Bút, giấy để thực hiện phiếu nhiệm vụ hoạt động 3.

+ Chuẩn bị các câu hỏi/ ý kiến về việc ứng dụng hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia trong thực hiện chương trình GDMN.

**c) Tổ chức hoạt động:**

### **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3**

#### **1. Nhiệm vụ 1. Thảo luận nhóm**

Câu hỏi 1: Chia sẻ những hiểu biết của anh/ chị về hướng tiếp cận Reggio Emilia? Điều tâm đắc của anh/ chị về hướng tiếp cận này? (thảo luận 10 phút)

#### **2. Nhiệm vụ 2.**

Câu hỏi 1: Theo anh/ chị hướng tiếp cận Reggio Emilia có nội dung giáo dục gì? Những nội dung này có phù hợp để ứng dụng trong thực hiện chương trình GDMN như thế nào? (thảo luận 20 phút).

Câu hỏi 2: Theo anh/chị, để ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia trong thực hiện chương trình GDMN tại địa phương cần có những điều kiện nào?

#### **3. Nhiệm vụ 3. Trình bày của các nhóm và chia sẻ**

Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận nhóm; các nhóm khác chia sẻ (20 phút).

### **THÔNG TIN PHẢN HỒI**

#### **Hướng tiếp cận Reggio Emilia**

##### **3.1. Giới thiệu chung về Hướng tiếp cận Reggio Emilia**

Reggio Emilia là hướng tiếp cận giáo dục xuất phát từ thành phố cùng tên của Ý, được phát triển bởi nhà Tâm lý học Loris Malaguzzi (1920 – 1994). Hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia đặt trẻ làm trung tâm và tin rằng trẻ em có khả năng thể hiện suy nghĩ, óc sáng tạo của mình theo nhiều cách khác nhau thông qua hơn Một trăm ngôn ngữ.

### **a) Khái niệm**

Phương pháp giáo dục Reggio Emilia là một cách tiếp cận GDMN đầy cảm hứng, dựa trên hình ảnh một đứa trẻ mạnh mẽ, giàu năng lực và kiên cường, khao khát học hỏi kiến thức. Phương pháp cho phép trẻ em được khám phá thế giới xung quanh trong một môi trường học tập mở, được xây dựng dựa trên việc thực sự lắng nghe và thấu hiểu nhu cầu của trẻ. Trẻ được khuyến khích đặt câu hỏi, tò mò và khám phá về MTXQ để cảm nhận được sự biến đổi không ngừng của thế giới, tham gia các hoạt động dựa trên sự tự nguyện, tự giác và tích cực. Thông qua tiếp cận theo triết lý giáo dục Reggio Emilia, trẻ có thể giải quyết các vấn đề tốt hơn, nâng cao kỹ năng ngôn ngữ, vận động, tính trách nhiệm, sự tự tin và khả năng làm việc nhóm, v.v...

### **b) Mục tiêu giáo dục của hướng tiếp cận Reggio Emilia**

Mục tiêu giáo dục dựa trên việc phát huy năng lực tiềm ẩn của trẻ, tôn trọng và yêu thương trẻ thơ, tạo điều kiện tốt nhất về môi trường để trẻ trải nghiệm và phát triển. Trẻ được tôn trọng, yêu thương, sáng tạo theo cách riêng của mình và có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng, xã hội.

### **3.2. Triết lý của hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia**

Triết lý Reggio Emilia bắt nguồn từ niềm tin cho rằng mỗi trẻ em đều chứa đựng một tiềm năng lớn và tiềm năng đó sẽ được phát triển nhờ chính trí tò mò vốn có của trẻ. Trẻ cố gắng tìm hiểu thế giới xung quanh và tự đưa ra cách riêng của mình để giải thích sự vận động của thế giới xung quanh trẻ.

Hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia luôn có niềm tin mãnh liệt rằng:

- Trẻ em chính là công dân nhí đầy năng lực tự học thông qua sự tò mò, tìm hiểu và khám phá.
- Trẻ em sở hữu bản năng tự nhiên trong việc mong muốn tìm hiểu về thế giới xung quanh, cũng như mối tương quan giữa trẻ với thế giới.
- Mỗi trẻ đều sở hữu những tài năng tiềm ẩn, bản tính tò mò và điều này thúc đẩy trẻ quan tâm tìm hiểu thế giới riêng và vị trí của trẻ trong đó
- Mỗi trẻ có khả năng tự thiết kế những cách thức tìm tòi, học hỏi dựa trên mọi điều kiện trong quá trình vui chơi, trải nghiệm thực tế.

### 3.3. Đặc trưng của hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia

Hướng tiếp cận giáo dục Reggio Emilia tập trung vào trẻ MN và tiểu học. Đây là hướng tiếp cận giáo dục lấy “học sinh làm trung tâm”, trong đó hầu hết việc học là dựa vào trải nghiệm và dựa trên mối quan hệ. Hướng tiếp cận này nuôi dưỡng sự phát triển trí tuệ của trẻ thông qua việc chú trọng một cách có hệ thống tất cả những cách diễn đạt bằng biểu tượng của trẻ, những hoạt động dẫn dắt trẻ đạt tới trình độ đáng ngạc nhiên về giao tiếp, kỹ năng sử dụng biểu tượng và tính sáng tạo, bao gồm lời nói, động tác, biểu cảm, vẽ, nặn, xây dựng, điêu khắc, kịch chiếu bóng, cắt dán, kịch nghệ và âm nhạc.

Hướng tiếp cận Reggio Emilia có những điểm cốt lõi, đó là:

<p><b>(1). Trẻ em có khả năng xây dựng việc học của chính mình.</b></p> <p>Ở đây, trẻ em là người quyết định chính trong quá trình học tập của mình, vì mỗi trẻ đều có tốc độ tìm hiểu khác nhau nên việc học của trẻ sẽ phụ thuộc vào sự quan tâm và tò mò của chính mình về thế giới. Những đứa trẻ có nhu cầu khác nhau sẽ được học tập trong những môi trường khác nhau, và môi trường đó là do chính mỗi cá nhân tạo ra theo sở thích cũng như mức độ của bản thân.</p>
<p><b>(2). Trẻ em là cộng tác viên và học hỏi thông qua tương tác trong cộng đồng của chúng.</b></p> <p>Học tập dựa trên các mối quan hệ lẫn nhau. Ở Reggio Emilia có sự tương tác chặt chẽ giữa GV phụ huynh và trẻ em. Do đó, Reggio Emilia đặt trọng tâm vào làm việc theo các nhóm nhỏ, dựa trên ý tưởng rằng chúng ta hình thành bản thân thông qua tương tác với bạn bè, người lớn và thế giới xung quanh.</p>
<p><b>(3). Khuyến khích trẻ giao tiếp</b></p> <p>Nếu nhắc đến Reggio Emilia là nhắc đến khái niệm “Một trăm ngôn ngữ của trẻ em”. Trẻ em là những người giao tiếp tự nhiên, và do đó cần được khuyến khích giao tiếp bằng bất cứ phương tiện nào chúng có thể, bao gồm từ ngữ, chuyển động, bản vẽ, tranh vẽ, tác phẩm điêu khắc... trẻ em có nhiều cách thể hiện, khám phá và học hỏi, nên khuyến khích trẻ sử dụng nhiều tài liệu để khám phá, giao tiếp, và thậm chí thể hiện những gì trẻ hiểu, thắc mắc, thắc mắc, cảm nhận hoặc tưởng tượng.</p>
<p><b>(4). Môi trường lớp học đóng vai trò như người thầy thứ ba</b></p> <p>Môi trường lớp học đảm bảo rằng các hoạt động như một “cơ thể sống” -</p>

	<p>một nơi có các mối quan hệ được chia sẻ giữa trẻ em, GV, cha mẹ và một cảm giác thuộc về một thế giới sống động, vui tươi và luôn mới mẻ. Các phòng học và không gian chung được tích hợp với nhau như với cộng đồng bên ngoài. Các phòng học cũng sử dụng nội thất tự nhiên để khuyến khích các tương tác thực tế.</p>
	<p><b>(5). GV là hướng dẫn viên giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc khám phá sở thích của trẻ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV là đối tác trong quá trình học tập của trẻ, họ hướng dẫn trải nghiệm, khám phá và giải quyết những vấn đề trẻ gặp phải. GV quan sát trẻ, cũng như đặt câu hỏi và lắng nghe để có cơ hội khuyến khích sự khám phá sâu hơn về sở thích của trẻ.</li> <li>- GV và trẻ em là phải hợp tác, nhưng GV có trách nhiệm xác định khi nào một khái niệm có thể được sử dụng để khám phá và học hỏi thêm.</li> <li>- GV là một cố vấn, GV không lên kế hoạch trước cho dự án, nội dung học tập, GV cho phép dự án xuất hiện dựa trên sở thích của trẻ và kết quả đánh giá dựa trên quá trình học tập.</li> </ul>
	<p><b>(6). Cha mẹ là đối tác trong quá trình giáo dục</b></p> <p>Sự tham gia của cha mẹ vào giáo dục trẻ là một thành phần quan trọng của triết lý giáo dục. Cha mẹ phải luôn đóng vai trò tích cực trong trải nghiệm học tập của trẻ cũng như giúp đảm bảo sự an toàn của trẻ trong cộng đồng xung quanh. Các kỹ năng và ý tưởng của cha mẹ đều rất có giá trị trong mọi cộng đồng Reggio. GV công nhận và tôn trọng cha mẹ của trẻ như một GV thực sự của trẻ, hay còn gọi là “GV thứ hai”. Sự tham gia của cha mẹ tạo ra một cộng đồng học tập cho trẻ em.</p>

### **3.4. Nội dung giáo dục của Hướng tiếp cận Reggio Emilia**

#### **a) Quan điểm (hình ảnh) về trẻ em**

Điểm trọng tâm của hướng tiếp cận Reggio là tư tưởng đầy quyền năng của người lớn về trẻ em. Mỗi đứa trẻ đều được nhìn nhận là “giàu tiềm năng, mạnh mẽ, quyền lực, có năng lực và hơn hết là kết nối với người lớn và những đứa trẻ khác” (Malaguzzi). Một đứa trẻ mạnh mẽ sẽ có chính kiến riêng, thể hiện được quan điểm, ra quyết định độc lập để sẵn sàng tham gia vui chơi và làm việc với mọi người.

Quan điểm mạnh mẽ về trẻ em này chỉ ra rằng người lớn - những người lắng nghe và tin tưởng trẻ, cần đưa ra những quyết định có trách nhiệm. Trong hướng tiếp cận Reggio lắng nghe trẻ em nghĩa là tập trung vào những gì trẻ nói và suy nghĩ, và nắm bắt ý tưởng của trẻ một cách nghiêm túc.

Ở Reggio người lớn sẵn sàng học hỏi cùng với trẻ em. Họ làm việc với nhau trong sự cộng tác chứ không phải là người lớn phải chịu trách nhiệm và có sẵn tất cả câu trả lời. Vai trò của người lớn là lập kế hoạch ở điểm xuất phát cho trẻ em khám phá, tự tìm hiểu và cung cấp nguồn tài nguyên mở nhằm khuyến khích trẻ em phát triển tư duy và cách thức học tập của mình. Người lớn phải quan sát và lắng nghe một cách cẩn thận những gì trẻ nói và làm rồi sử dụng sự quan sát đó để hướng dẫn và mở rộng việc học của mỗi em.

Trẻ em được khuyến khích học hỏi lẫn nhau. Các em làm việc và chơi với nhau trong các nhóm nhỏ từ một độ tuổi rất sớm. Trẻ học cách lắng nghe quan điểm của nhau và tôn trọng cách nhìn nhận và cảm xúc của người khác.

Những gì chúng ta đã biết về hướng tiếp cận Reggio Emilia cho thấy, trẻ em tích cực tham gia vào việc đưa ra quyết định về quá trình học tập của mình.

Trẻ em tự tin tiếp cận việc học theo cách này rất hữu ích cho chúng khi chúng trở thành thành viên của nhóm học tập, với tư cách là thành viên nhóm nòng cốt hoặc là người cộng sự có trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là chúng học cách có quan điểm và bày tỏ quan điểm thông qua một loạt các ngôn ngữ khác nhau. Đồng thời học cách lắng nghe tiếng nói của nhau, tôn trọng nhau. Rinaldi nhận định về việc học của trẻ: “Học giống như là một nhà nghiên cứu. Đứa trẻ là một người xây dựng các lý thuyết. Đứa trẻ học bằng cách giao tiếp và thể hiện các khái niệm và lý thuyết của chúng và bằng cách lắng nghe người khác”<sup>1</sup>

Trong Reggio, tất cả trẻ em đều quan trọng như nhau và cả trẻ khuyết tật cũng được chào đón vào trung tâm Trẻ sơ sinh - Trẻ nhỏ hay các trường MN. Trẻ em khuyết tật được coi là có "đặc quyền" chứ không phải "nhu cầu đặc biệt". Điều này đã công nhận các em là những con người mạnh mẽ có thể tham gia đầy đủ các hoạt động của đời sống với nhóm của mình.

---

<sup>1</sup> Rinaldi, C. (2013). *Re-imagining childhood - The inspiration of Reggio Emilia education principles in South Australia*. Adelaide Thinker in Residence



## **b) “Một trăm ngôn ngữ của trẻ em”**

Thuật ngữ “Hàng trăm ngôn ngữ của trẻ em” là thuật ngữ phổ biến trên toàn thế giới khi nói về hướng tiếp cận Reggio Emilia. Thuật ngữ này lấy cảm hứng từ một bài thơ của Loris Malaguzzi (xem phụ lục)

Trẻ em có hàng trăm cách để tư duy, hàng trăm cách để giao tiếp, để thấu hiểu và yêu thương. Trẻ tự sáng tạo ra hàng trăm cách để khám phá thế giới bên ngoài và định hình thế giới nội tâm của mình. Thuật ngữ “Hàng trăm ngôn ngữ của trẻ em” chính là phép ẩn dụ cho tiềm năng sẵn có của trẻ: mỗi đứa trẻ có ở bên trong những tiềm năng, tính tò mò, thích tìm tòi, đặt câu hỏi để nghiên cứu thế giới; có khả năng làm chủ thế giới của mình; có cách diễn đạt bản thân, cá tính, bản sắc riêng của mình.

Mọi ngôn ngữ của trẻ đều thể hiện nhu cầu được bày tỏ của trẻ. Ngôn ngữ bày tỏ của trẻ không chỉ có ngôn từ mà còn là những ngôn ngữ khác như: nghệ thuật thị giác (visual art), hình ảnh (graphic), tranh vẽ (painting), thơ ca (poetry), nhảy múa (dancing), âm nhạc (music), kịch nghệ (theatre),... Các ngôn ngữ đều có tầm quan trọng như nhau. Mỗi một ngôn ngữ là một cánh cửa mở ra tri thức cho trẻ. Mỗi một cánh cửa đều độc nhất với những tính chất rất riêng, tùy thuộc vào hoàn cảnh văn hóa.

Để tạo điều kiện cho trẻ phát huy ngôn ngữ riêng của mình, người lớn cần phải hiểu cách và quá trình trẻ học thông qua những ngôn ngữ bày tỏ của mình, để thiết kế được lộ trình học tập và khám phá của trẻ, đưa những kiến thức phù hợp vào lộ trình khám phá đó; Phải tạo môi trường mở, vật liệu mở, đặt những câu hỏi mở (câu hỏi không có duy nhất một câu trả lời).<sup>2</sup>

## **c) Môi trường và không gian**

Môi trường được coi là “người thầy thứ ba” trong quá trình học tập theo hướng tiếp cận Reggio Emilia, nơi truyền cảm hứng và cho phép trẻ em chơi, khám phá thế giới và nghiên cứu các chủ đề. Tất cả các cơ hội học tập này sẽ giúp trẻ phát huy tối đa tiềm năng của mình.

- Không gian bên trong và bên ngoài các trung tâm dành cho trẻ sơ sinh và trường MN được thiết kế và tổ chức theo hình thức liên kết với nhau, tạo cho trẻ

---

<sup>2</sup> Edwards, C., Gandini, L. & Forman, G. (2004). *The hundred languages of children - The Reggio Emilia approach*

em và người lớn những không gian sống và nghiên cứu cùng nhau. Môi trường có thể tương tác, điều chỉnh và được thể hiện thông qua tương quan với các dự án và kinh nghiệm học tập như một cuộc đối thoại liên tục giữa kiến trúc và sư phạm. Hướng tiếp cận Reggio Emilia cũng gọi là lớp học hoặc khu vực, mỗi tòa nhà đều có một số phòng đặc biệt. Các phòng đặc biệt là quảng trường, các xưởng, nhà bếp và phòng ăn và sân. Chúng được mô phỏng theo quảng trường, phòng trưng bày, nhà hàng và công viên của thành phố Reggio Emilia.

**Quảng trường** là không gian lớn ở giữa của tòa nhà nơi trẻ em ở các độ tuổi khác nhau gặp gỡ và vui chơi. Các thiết bị lớn như kính vạn hoa, đồ hóa trang và nhà hát múa rối được tìm thấy trong quảng trường.

### **Xưởng nghệ thuật**

Để trẻ học và thể hiện hết hàng ngôn ngữ của mình, cần có Atelier (xưởng nghệ thuật) và Atelierista (cố vấn nghệ thuật). Xưởng nghệ thuật là nơi các ngôn ngữ được thể hiện một cách hữu hình, mọi người đều có thể cảm nhận được và từ đó giao tiếp diễn ra giữa trẻ và người lớn và giữa trẻ với nhau. Cố vấn nghệ thuật sẽ đóng vai trò không phải là nghệ sỹ mà là GV. Tuy nhiên Atelierista phải là người được đào tạo bài bản tại trường mỹ thuật/ nghệ thuật.

Xưởng nghệ thuật là không gian được thiết kế một cách có chủ đích để mời gọi mỗi đứa trẻ thể hiện một cách tự nhiên bản sắc độc đáo của mình và hỗ trợ quá trình tích cực kiến tạo tri thức của trẻ qua mối liên hệ sáng tạo với thế giới xung quanh. Chúng được lấp đầy với các vật liệu như đất sét, sơn và các nguyên vật liệu thiên nhiên, các tác phẩm sáng tạo của trẻ. Trẻ em sử dụng các vật liệu trong “xưởng nghệ thuật” để thể hiện những suy nghĩ và hiểu biết của trẻ về những gì trẻ suy nghĩ hay đã học được trong các dự án.

Xưởng nghệ thuật cũng không nhất thiết là một căn phòng, mặc dù xưởng nghệ thuật tại các trường Reggio đầu tiên luôn là một phòng/ không gian riêng (cho đến giờ vẫn thế). Chủ yếu ý tưởng về xưởng nghệ thuật bao gồm cách sắp xếp không gian, và cách tiếp cận với trẻ, hướng đến mục tiêu trên. Ví dụ, đó có thể là một khu vực trong lớp học, trong nhà hoặc ngoài vườn, một xưởng nghệ thuật mini di động có bánh xe, hoặc thậm chí là cả ngôi trường nơi mà những phòng học bình thường được biến thành những xưởng nghệ thuật theo chủ đề. Tất nhiên, những lựa chọn này có thực hiện được thành công hay không còn tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể, nhu cầu và cách sắp xếp.

**Các nhà bếp và khu vực ăn uống** là một phần rất quan trọng của các trung tâm. Giờ ăn được xem là cơ hội rất có giá trị cho sự phát triển cá nhân và xã hội của trẻ em. Bàn được trẻ sắp xếp với khăn trải bàn, hoa, đồ sành sứ, thủy tinh và dao, kéo, muỗng, nĩa. Các nhân viên bếp đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của trường. Một cửa sổ lớn giữa bếp và phần còn lại của trung tâm cho phép các em có thể quan sát việc chuẩn bị bữa ăn.

**Sân** là một không gian ngoài trời bên cạnh quảng trường mà các em có quyền đến vào mọi thời điểm. Nó tạo ra một không gian trong nhà /ngoài trời. Ở Reggio, sân được gọi là "lớp học không có mái nhà".

- Vật liệu trong các trung tâm dành cho trẻ sơ sinh và trường MN phong phú các chủng loại và được sắp đặt với những ý tưởng tài tình trong cách sử dụng chúng:

- Lõi ống bìa cứng, các loại giấy,...
- Hộp kim loại với vật liệu kim loại,...
- Đá pha lê, hạt nhựa, cúc áo,...
- Đồ nhựa tái chế, nắp nhựa, ống nhựa PVP,...
- Quả thông, que thông, vỏ cây, nút rượu, lá cây, hoa khô, cành cây, ...
- Dây chun, các con vật nhựa dẻo,...
- Sỏi, đá,...
- Bông, len, cotton, vải vụn,...

Trong đó, vật liệu thiên nhiên luôn được chú trọng vì sự gần gũi, quen thuộc cũng như tầm quan trọng của thiên nhiên với con người. Vật liệu tái chế được xem như nguồn tài nguyên phong phú vì có thể thu thập ở khắp nơi. Tính “mở” - đa dụng của vật liệu là yếu tố được quan tâm.

- Ánh sáng và bóng tối cũng là nguồn học liệu tuyệt vời có thể ứng dụng nhiều trong các hoạt động trải nghiệm và khám phá của trẻ.

#### **d) Tài liệu (tư liệu)**

Hệ thống tài liệu mô tả quá trình GV ở Reggio sử dụng để giúp họ hiểu được suy nghĩ và học tập của trẻ. Trong hướng tiếp cận Reggio, tài liệu được sử dụng như một cách để làm cho chính bản thân trẻ, cha mẹ và GV nhìn thấy rõ được quá trình học tập của trẻ. Tài liệu được biên soạn và chia sẻ với sự chú trọng đến quá trình hơn là kết quả sản phẩm.

\* Các loại tài liệu

- *Tài liệu liên quan đến việc quan sát*

Trong bối cảnh này, quan sát có nghĩa là không chỉ nhìn vào những gì trẻ đang làm, mà còn là lắng nghe những gì trẻ đang nói và "bắt sóng" được nhiều "ngôn ngữ diễn đạt" khác nhau mà trẻ sử dụng.

Công cụ quan sát khác nhau được sử dụng cho các nhóm tuổi và trong các tình huống học tập khác nhau. Đó có thể là hình ảnh, video, ghi chú bằng văn bản, băng ghi âm, bản vẽ của trẻ em và các mô hình... Với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, sự quan sát tập trung vào "nhìn thấy" và ghi nhận hành động của trẻ cũng như ngôn ngữ cơ thể.

- *Tài liệu bao gồm việc thuyết trình*

Chia sẻ quan sát của mình với mọi người giúp GV nhận được nhiều quan điểm khác nhau về những gì đang thực sự xảy ra ở bất kỳ tình huống học tập nào.

#### **đ) Môi quan hệ hai chiều**

Theo hướng tiếp cận Reggio, quá trình học tập của trẻ sẽ là một sự phối hợp thống nhất giữa cha mẹ - trẻ - GV, trong đó cha mẹ đóng một vai trò quan trọng như GV. Đây là một hướng tiếp cận có tính nhân văn sâu sắc, gần gũi, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của giáo dục cộng đồng và sự tự tìm hiểu, khám phá của trẻ: Trẻ sẽ chủ động tham gia học tập với giáo trình trực quan sinh động mà yếu tố môi trường phải được ưu tiên phát triển hàng đầu, đồng thời cha mẹ, GV và trẻ sẽ chia sẻ, hợp tác trong quá trình học tập.

Các nhà giáo dục và trẻ em thông qua một quá trình hợp tác đàm phán, tạo bối cảnh để học tập cùng nhau. Môi quan hệ hợp tác này giữa các nhà giáo dục và trẻ em giúp trẻ cảm thấy tự tin khi trẻ tham gia đóng góp lợi ích sâu sắc của chúng với các nhà giáo dục và gia đình. Có sự hiểu biết lẫn nhau cho phép các nhà giáo dục và trẻ em xây dựng một môi trường học tập sẽ hỗ trợ và phát triển những sở thích, mối quan tâm của trẻ trong toàn bộ chương trình giáo dục. Theo cách này, các nhà giáo dục sẽ thay đổi dần cách thức, thói quen tổ chức các hoạt động giáo dục trước đây, cách mà cô giáo, người lớn là người đưa ra quyết định về việc trẻ sẽ làm những gì, làm ở đâu và làm như thế nào. Khi cách làm việc này được thiết lập, sự hiểu biết ở trẻ ngày càng cao thì vai trò của chúng như là "chuyên gia tư vấn" và người tham gia trong môi trường học tập chứ không chỉ là người thụ động làm theo những gì người lớn hướng dẫn và cho phép. Điều

này mang lại ý nghĩa trong việc tạo ra môi trường học tập tích cực lấy trẻ em làm trung tâm. Người lớn lắng nghe, thấu hiểu, hỗ trợ, “bắt giàn” cho trẻ khi cần thiết. Cho phép và khuyến khích trẻ dành thời gian để xem xét, suy nghĩ và đưa ra ý tưởng, ý kiến và giải pháp cho các vấn đề đã đặt ra.

#### **e) Thiết kế/ progettazione**

##### **\* Chương trình giáo dục**

Trong Hướng tiếp cận Reggio Emilia, quá trình thiết kế các trải nghiệm là nền tảng cho các trải nghiệm tại trường học. Các hoạt động giáo dục tại Reggio Emilia được hình thành qua quá trình thiết kế chương trình, kế hoạch. Đây là một quá trình lên kế hoạch và thiết kế các hoạt động dạy và học, thiết kế các không gian và bối cảnh trong môi trường, các cơ hội tham gia, và hoạt động phát triển chuyên môn.

Việc lập kế hoạch giảng dạy một cách linh hoạt và thiết lập các dự án là nền tảng của chương trình giảng dạy cho trẻ em tại các trường Reggio Emilia được GV đóng khung trong chương trình và phát triển (Forman & Fyle, 1998).

Đầu năm học, các GV, cố vấn nghệ thuật và những người tham gia quá trình hỗ trợ giảng dạy tại trường MN sẽ cùng thảo luận, liệt kê các chủ đề mà họ cho rằng trẻ có thể thích trong năm học trước, có hứng thú trong những hoạt động diễn ra ở trường,... Những chủ đề này có thể đến từ các GV, bố mẹ, từ chính trẻ... Các GV lập ra bảng câu hỏi mà GV nghĩ trẻ sẽ quan tâm về chủ đề, đưa ra một vài định hướng cho các chủ đề đó, dự kiến tình huống có thể xảy ra. Trong quá trình triển khai dự án trong năm học, có thể có một số chủ đề được chọn từ đầu năm nhưng không được triển khai do trẻ không hứng thú hoặc nảy sinh nhiều ý tưởng thú vị hơn tại thời điểm đó. Mỗi dự án có thể diễn ra trong nhiều tuần, tháng hoặc cả năm.

##### **\* Khung chương trình giáo dục**

Trong hướng tiếp cận Reggio, trẻ em và GV không theo một giáo trình chính thức. Thay vào đó, các câu hỏi và ý tưởng của trẻ được sử dụng như là điểm khởi đầu cho việc phát triển học tập và GV sử dụng các kỹ năng và kinh nghiệm của mình để xây dựng nền tảng, đó chính là chương trình đã được xây dựng từ đầu mỗi năm học và tiếp tục được xây dựng trong quá trình dạy học trên trẻ. Trẻ em và người lớn cùng nhau khai thác các ý tưởng, học hỏi lẫn nhau và xây dựng kiến thức và sự hiểu biết với nhau. Tuy nhiên, có một khung chương

trình do Bộ Giáo dục Ý (từ gốc: progettazione) làm nền tảng để GV và trẻ em cùng nhau thực hiện tại Reggio Emilia.<sup>3</sup>

- *Nguyên tắc xây dựng khung chương trình*

Khung chương trình (progettazione) này được xây dựng dựa trên nguyên tắc:

+ Việc xây dựng kiến thức không phải là theo đường thẳng hoặc được định trước;

+ Sự phát triển của tri thức là một quá trình chung tay thực hiện;

+ Trẻ em tạo ra lý thuyết của mình và có những giá trị riêng.

(Linda Thornton & Pat Brunton, 2010)

- *Cấu trúc khung chương trình gồm 2 phần*

+ Khung chương trình được chia thành 4 nhóm thực hiện theo dự án:

**(1). Các dự án theo chủ đề:** bao gồm 4 lĩnh vực học tập mà các em sẽ gặp mỗi năm:

- Mối quan hệ với chính mình và những người khác.

- Lý thuyết màu sắc (colour theory).

- Giao tiếp và trình bày.

- Sách.

**(2). Các dự án môi trường:** phát sinh từ những trải nghiệm chủ chốt, nguồn lực và thiết bị có sẵn trong lớp học, chẳng hạn như các khu vực xây dựng, hộp ánh sáng, gương, hộp thư, góc đóng vai và phòng đọc sách.

**(3). Các dự án đời sống hàng ngày:** đến từ cuộc hội họp hàng ngày hoặc cuộc sống thường ngày ở trường. Các dự án này có thể bao gồm:

- Hành trình đến trường hoặc giờ đón và trả trẻ.

- Bữa ăn.

- Hoạt động ngoài trời.

- Thảo luận, kết hợp các nhóm để giải quyết vấn đề.

**(4). Các dự án tự quản lý:** được thiết kế cho trẻ thực hiện một cách độc lập - riêng lẻ hoặc như là một phần của nhóm nhỏ. Có thể là những dự

<sup>3</sup> Trường công lập -Tiểu bang Mực .D.D.CEIC86700D, Đường St. Nicholas, Khung chương trình giáo dục mầm non . Tài liệu dịch 2020.- Italia.

án: tác phẩm tạo hình bằng dây, dệt hoặc hình ảnh hay các mẫu mandala được làm từ nguyên liệu tự nhiên hoặc tái chế không sử dụng keo dính.
---

+ Lĩnh vực học tập và phát triển

Mọi lĩnh vực học tập và mục tiêu phát triển đều liên kết và quan trọng. Với mục đích phát triển 6 mặt của trẻ, việc học theo chủ đề cần đáp ứng yêu cầu sau:

- Phát triển cá nhân, xã hội và cảm xúc;
- Phát triển ngôn ngữ, giao tiếp và khả năng đọc viết;
- Phát triển khả năng giải quyết vấn đề, suy luận và tính toán;
- Phát triển nhận thức;
- Phát triển thể chất;
- Phát triển sáng tạo.

Thêm vào đó, 3 cam kết được đưa ra trong suốt quá trình học tập: vui chơi và khám phá; học tập tích cực; sáng tạo và tư duy phản biện.

Các dự án có thể được thực hiện đồng thời cùng với các dự án khác, nghĩa là trẻ hoặc trường hoặc lớp không bao giờ tham gia trong duy nhất một dự án.

Tất cả dự án, dù là dự án dạy học hay với tính chất khác, luôn luôn được hình thành qua quá trình thiết kế, qua quan sát, diễn giải, ghi nhận tư liệu lặp đi lặp lại.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, dự án không phải là tất cả khi nói về hướng tiếp cận Reggio Emilia, dự án học tập chỉ là một phần trong hướng tiếp cận này để hỗ trợ cho trẻ tìm hiểu và khám phá thế giới xung quanh. Những trải nghiệm học tập của trẻ ở trường học mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút đều là những điều GV lưu tâm và ghi nhận trong hành trình trưởng thành của đứa trẻ, do vậy, dự án học tập cũng chỉ là một phần trong cuộc sống hằng ngày ở trường của trẻ.

### ***3.5. Ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia trong thực hiện chương trình GDMN***

Hướng tiếp cận Reggio Emilia đã và đang được các nhà giáo dục chú ý và sử dụng ở một số trường MN trên thế giới và Việt Nam. Hướng tiếp cận này có tính ưu việt và những giá trị đặc biệt, với mục tiêu phát triển năng lực người học, tăng cường hoạt động trải nghiệm, tổ chức các hoạt động giáo dục dựa trên thuyết kiến tạo với tinh thần tôn trọng trẻ. Hướng tiếp cận Reggio Emilia trong GDMN giúp trẻ có cơ hội trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của quốc gia. Mỗi trẻ là một cá nhân riêng biệt và trẻ sẽ học tập

theo cách riêng của mình. Mỗi trẻ có được cơ hội tìm hiểu thế giới, thách thức chính bản thân mình để học và phát triển xa hơn trong tương lai.

Thực tiễn cho thấy, ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia trong đổi mới GDMN ở Việt Nam hiện nay là một hướng đi đúng, mang lại hiệu quả khả quan. Để ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia trong thực hiện chương trình GDMN cần có đủ các nguồn lực bước đầu như đội ngũ, cơ sở vật chất, cơ chế chính sách,... sẵn sàng để ứng dụng hiệu quả. Đội ngũ giảng viên thuộc các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu... là các nhà sư phạm thuộc nhóm nghiên cứu về hướng tiếp cận Reggio Emilia; các cố vấn nghệ thuật là các giảng viên thuộc nhóm nghiên cứu, được đào tạo về mỹ thuật; các GVMN của các cơ sở GDMN đã được dự các khóa học đào tạo về Reggio Emilia; cơ sở vật chất cơ bản phục vụ hoạt động trải nghiệm, học tập, vui chơi cho trẻ ở các độ tuổi;...

Hướng tiếp cận Reggio Emilia có nhiều nội dung tương đồng, phù hợp với chương trình GDMN ở Việt Nam.

*a/ Yêu cầu ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia vào thực hiện chương trình GDMN*

- Tôn trọng và phát huy tối đa khả năng, nhu cầu của trẻ. Tạo cơ hội cho GV và trẻ sáng tạo, gắn kết yêu thương.

- Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo tính thẩm mỹ và phát huy tính sáng tạo của trẻ. (Môi trường là người thầy thứ ba của trẻ).

- Đảm bảo tính kết nối chặt chẽ với cộng đồng.

- Phát huy bản sắc, văn hóa dân tộc Việt Nam.

*b/ Các cách ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia vào thực hiện chương trình GDMN*

Mức độ ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia có thể theo nhiều cách khác nhau:

\* Ứng dụng một phần nội dung theo Hướng tiếp cận Reggio Emilia (Ví dụ: vật liệu và cách sử dụng vật liệu tích hợp vào các hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục ở các cơ sở GDMN; Ứng dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục, hoặc thiết lập các mối quan hệ trong các cơ sở GDMN, kết nối cộng đồng về thống nhất các biện pháp giáo dục trẻ...)



\* Ứng dụng toàn phần nội dung theo hướng tiếp cận Reggio Emilia: Ứng dụng tất cả các nội dung theo lộ trình gồm các giai đoạn hoặc thực hiện đồng bộ toàn bộ chương trình giáo dục của nhà trường theo hướng tiếp cận Reggio Emilia.

Các cơ sở GDMN trong giai đoạn tới có thể chọn ứng dụng hướng tiếp cận này sao cho phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của mình. Các nội dung cơ bản để triển khai ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia tại trường cơ sở GDMN đòi hỏi cách làm việc nghiêm túc, bền bỉ với quá trình nhìn nhận, đánh giá lại và chỉnh sửa, từ kế hoạch, thiết kế, môi trường, dự án, để mang lại hiệu quả ứng dụng cao.

## **NỘI DUNG 2. HƯỚNG DẪN ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP/ TIẾP CẬN GIÁO DỤC TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GDMN (04 tiết lý thuyết, 06 tiết thực hành)**

### **1. Yêu cầu cần đạt**

Học viên sẽ:

- Đánh giá được điều kiện thực tế và mức độ khả thi của cơ sở GDMN do mình phụ trách khi ứng dụng các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN.

- Phân tích các mô hình ứng dụng phương pháp/tiếp cận giáo dục quốc tế phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở GDMN.

- Lập được kế hoạch triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN tại cơ sở GDMN.

- Tổ chức thực hiện, chỉ đạo và đánh giá việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN tại cơ sở GDMN.

- Điều chỉnh để đảm bảo tiếp tục ứng dụng phương pháp/ cách tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN.

- Lạc quan, tin tưởng mô hình ứng dụng phương pháp/ cách tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN; truyền cảm hứng đến đội ngũ GV về đổi mới phương pháp trong thực hiện chương trình GDMN.

### **2. Thời lượng**

05 lý thuyết và 10 thực hành

### **3. Tổ chức hoạt động**

### **3.1. Giới thiệu một số mô hình ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay**

**Hoạt động 4: Tìm hiểu về mô hình ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN (02 tiết lý thuyết, 02 tiết thực hành)**

#### **a) Mục tiêu:**

+ Phân tích được các mô hình ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay;

+ Phân tích được mô hình ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay ở cơ sở GDMN;

+ So sánh đối chiếu được bối cảnh thực tế của cơ sở GDMN mình phụ trách với yêu cầu và nguyên tắc ứng dụng một hoặc ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN một cách phù hợp với điều kiện.

+ Sẵn sàng tiếp nhận những thông tin mới về các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế để ứng dụng có hiệu quả trong cơ sở GDMN; tự tin lựa chọn một cách ứng dụng phù hợp nhất cho cơ sở GDMN của mình.

#### **b) Chuẩn bị**

*Phía giảng viên:*

+ Tài liệu viết của mô đun.

+ Bản trình chiếu Powerpoint bài giảng

+ Phiếu giao nhiệm vụ hoạt động 4.

*Phía học viên:*

- Bút, giấy để thực hiện phiếu nhiệm vụ hoạt động 4.

+ Chuẩn bị câu hỏi có liên quan đến mô hình ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN.

#### **c) Tổ chức hoạt động**

### **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 4**

#### **Nhiệm vụ 1. Thảo luận theo các câu hỏi (khoảng 20 phút)**

Câu hỏi 1. Anh/ chị biết có những cách ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế nào trong thực tiễn thực hiện chương trình GDMN hiện nay? Trong số những mô hình ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế

tế đó, anh/ chị thấy tâm đắc với mô hình nào? Vì sao? (5 phút)

Câu hỏi 2. Nếu được hỗ trợ để ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế đó cho cơ sở GDMN của mình thì anh/ chị chọn phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế nào? Mong muốn được hỗ trợ gì? Vì sao? (khoảng 15 phút)

**Nhiệm vụ 2. Trình bày chia sẻ (10 phút)**

Đại diện một số nhóm trình bày quan điểm của bản thân hoặc nhóm

**THÔNG TIN PHẢN HỒI**

**4.1. Những vấn đề chung về ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế**

**a) Khái niệm**

Ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục được hiểu là việc phát triển phương pháp/ tiếp cận giáo dục đó trong một môi trường giáo dục với những điều kiện/ hoàn cảnh mới, sao cho phát huy được triết lý giáo dục, mà vẫn đảm bảo được các nguyên tắc giáo dục của chúng.

**b) Ý nghĩa của việc ứng dụng**

- Cập nhật kịp thời phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế, gia tăng cơ hội học tập và phát triển cho trẻ.

- Nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ GV, cập nhật kịp thời sự phát triển của ngành học.

- Giúp khai thác triệt để thế mạnh của phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế - thành quả nghiên cứu khoa học giáo dục của nhân loại.

**4.2. Tìm hiểu mô hình ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế theo lộ trình**

**a) Điều kiện thực hiện việc ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục**

\* *Nhân sự:*

- Có chuyên môn GDMN.

- Đã được đào tạo tối thiểu ở mức cơ bản về phương pháp/ tiếp cận giáo dục mà cơ sở GDMN mong muốn ứng dụng.

- Đội ngũ chuyên trách chuyên môn có khả năng phát triển chương trình và quản lý chương trình.

\* *Cơ sở vật chất:*

- Đáp ứng theo quy định CSVC trường/ lớp MN.

- Được trang bị bổ sung các tiêu chuẩn CSVC tối thiểu/ đặc thù theo yêu cầu của phương pháp/ tiếp cận giáo dục.

Ví dụ: Phương pháp Montessori yêu cầu cao về giáo cụ tiêu chuẩn, Reggio Emilia yêu cầu cao về học liệu tự nhiên và môi trường truyền cảm hứng, giáo dục STEM/ STEAM yêu cầu cao về công cụ thao tác và học liệu trải nghiệm.

\* *Quản lý:*

- Kế hoạch thực hiện có lộ trình và mục tiêu phù hợp với từng giai đoạn.  
- Có sự phối hợp và tham gia giám sát của các bộ phận chuyên môn và cha mẹ trẻ.

- Có đánh giá và báo cáo định kỳ từ đó rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời.

***b) Các cách ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế theo lộ trình***

\* *Căn cứ vào tỉ lệ ứng dụng (Mức độ ứng dụng)*

- *Ứng dụng một phần:*

+ Ứng dụng tiêu chuẩn CSVC.

Ví dụ: môi trường lớp học theo phong cách Reggio.

+ Ứng dụng một phần nội dung:

Ví dụ: Dạy nội dung thực hành cuộc sống của phương pháp Montessori.

+ Ứng dụng phương pháp tổ chức hoạt động trong một số hoạt động giáo dục trẻ.

Ví dụ: Áp dụng Quy trình thiết kế kỹ thuật của giáo dục STEM trong dạy trẻ Tạo hình hoặc bài học 5E của giáo dục STEM trong dạy trẻ Khám phá.

- *Ứng dụng toàn phần:*

+ Ứng dụng toàn bộ tiêu chuẩn chương trình (nội dung, môi trường, phương pháp tổ chức hoạt động) của phương pháp/ tiếp cận giáo dục.

+ Ứng dụng phương pháp tổ chức trong toàn bộ hoạt động của nhà trường/ CSGD trẻ.

\* *Căn cứ vào lộ trình ứng dụng:*

- *Lần lượt (Cuốn chiếu/ Thí điểm):* bắt đầu triển khai ứng dụng thí điểm trên 1 hoặc 2 lớp/ khối, sau đó theo lộ trình sẽ tăng dần số lớp triển khai;

- *Chọn lọc:* chỉ tập trung cho một số lớp trên tinh thần tự nguyện của GV và phụ huynh.

- *Đồng loạt:* triển khai ngay với toàn bộ các lớp trong trường

### ***c) Thực hành***

#### **PHIẾU THỰC HÀNH**

Chọn một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế đã được giới thiệu, sau đó:

- Đối chiếu và so sánh điều kiện thực hiện phương pháp/ tiếp cận giáo dục đó với điều kiện hiện tại của cơ sở GDMN mình đang phụ trách/ làm việc.
- Đề xuất mô hình ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục cho cơ sở GDMN mình đang phụ trách/ làm việc.

### ***4.3. Mô hình ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế theo lộ trình***

#### **Hoạt động 5: Phân tích mô hình ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN**

##### ***a) Mục tiêu:***

- + Phân tích được mô hình ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN hiện nay;
- + So sánh đối chiếu được bối cảnh thực tế của cơ sở GDMN mình phụ trách với yêu cầu và nguyên tắc ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN để chọn lựa cách thức phù hợp;
- + Sẵn sàng tiếp nhận những thông tin mới về các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế để ứng dụng có hiệu quả trong cơ sở GDMN; và tin tưởng sự lựa chọn của mình.

##### ***b) Chuẩn bị:***

###### *Phía giảng viên:*

- + Tài liệu viết của mô đun
- + Bản trình chiếu Power point bài giảng
- + Phiếu giao nhiệm vụ hoạt động 5.

###### *Phía học viên:*

- + Bút, giấy để thực hiện phiếu nhiệm vụ hoạt động 5.
- + Chuẩn bị câu hỏi có liên quan đến mô hình ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN.

**c) Tổ chức hoạt động:**

**PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 5**

**Nhiệm vụ 1. Thảo luận (15 phút)**

Câu hỏi 1. Anh/ chị đã biết đến những cơ sở GDMN nào đang ứng dụng nhiều hơn một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế đang phổ biến? Họ đã ứng dụng như thế nào? (5 phút).

Câu hỏi 2. Nếu được hỗ trợ để ứng dụng nhiều hơn một phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế cho cơ sở GDMN của mình thì anh/ chị chọn những phương pháp/ tiếp cận giáo dục nào để kết hợp? Mong muốn được hỗ trợ gì? Vì sao? (5 phút)

**Nhiệm vụ 2. Trao đổi chia sẻ quan niệm của bản thân (15 phút)**

**THÔNG TIN PHẢN HỒI**

**5.1. Những vấn đề chung về mô hình ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN**

**a) Khái niệm**

Mô hình ứng dụng kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN được hiểu là việc ứng dụng đồng thời nhiều hơn hai phương pháp/ tiếp cận giáo dục đó trong một môi trường hay điều kiện/ hoàn cảnh mới, sao cho phát huy được triết lý giáo dục riêng của từng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế mà vẫn đảm bảo được các nguyên tắc giáo dục của chúng; đồng thời các phương pháp/ tiếp cận giáo dục này có thể bổ trợ sự thiếu hụt hoặc khắc phục được những hạn chế của nhau, gia tăng giá trị và lợi ích của mỗi phương pháp/ tiếp cận giáo dục trong quá trình thực hiện chương trình GDMN.

**b) Ý nghĩa của việc ứng dụng một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN**

- Cập nhật kịp thời phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế, gia tăng cơ hội học tập và phát triển cho trẻ.

- Nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ GV, cập nhật kịp thời sự phát triển của ngành học.

- Phát huy những thế mạnh của mỗi phương pháp/ tiếp cận giáo dục trong thực hiện chương trình GDMN.

## ***5.2. Mô hình ứng dụng một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế theo lộ trình***

### ***a) Điều kiện thực hiện mô hình***

#### ***\* Nhân sự:***

- Có chuyên môn GDMN.  
- Đã được đào tạo chuyên sâu một phương pháp/ tiếp cận giáo dục tối thiểu ở mức cơ bản về phương pháp/ tiếp cận giáo dục mà cơ sở GDMN mong muốn kết hợp thêm.

- Đội ngũ chuyên trách chuyên môn có khả năng phát triển chương trình và quản lý chương trình; có kinh nghiệm phát triển chương trình ứng dụng một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế định ứng dụng chủ đạo.

#### ***\* Cơ sở vật chất:***

- Đáp ứng theo quy định CSVC trường/ lớp MN  
- Được trang bị bổ sung các tiêu chuẩn CSVC tối thiểu/ đặc thù theo yêu cầu của phương pháp/ tiếp cận giáo dục => nên chọn các phương pháp/ tiếp cận giáo dục có yêu cầu tương đồng.

Ví dụ: Reggio Emilia và giáo dục STEM khá tương đồng về yêu cầu công cụ thao tác và học liệu trải nghiệm, khuyến khích các học liệu tự nhiên và tái chế

#### ***\* Quản lý:***

- Kế hoạch thực hiện có lộ trình và mục tiêu phù hợp với từng giai đoạn.  
- Có sự phối hợp và tham gia giám sát của các bộ phận chuyên môn và cha mẹ trẻ.

- Có đánh giá và báo cáo định kỳ từ đó rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời.

### ***b) Các cách ứng dụng một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế theo lộ trình***

#### ***\* Căn cứ vào tỉ lệ ứng dụng (Mức độ ứng dụng)***

- Ứng dụng từng phần của mỗi phương pháp: kết hợp một phần của phương pháp này với một phần khác của phương pháp khác.

#### ***+ Ứng dụng tiêu chuẩn CSVC:***

Ví dụ: tiêu chuẩn thẩm mỹ theo phong cách Reggio cho lớp học STEM.

#### ***+ Ứng dụng một phần nội dung:***

Ví dụ: Dạy nội dung THCS của phương pháp Montessori trong giáo dục công nghệ cuộc sống cho lớp/ trường học STEM.

+ Ứng dụng phương pháp tổ chức hoạt động trong một số hoạt động giáo dục trẻ.

Ví dụ: Áp dụng Quy trình thiết kế kỹ thuật của giáo dục STEM trong dạy trẻ Tạo hình và bài học 5E của giáo dục STEM trong dạy trẻ Khám phá khi triển khai Dự án học tập theo Hướng tiếp cận Reggio Emilia.

- Ứng dụng toàn phần một phương pháp và kết hợp một phần của phương pháp khác:

+ Ứng dụng toàn bộ tiêu chuẩn chương trình (nội dung, môi trường, phương pháp tổ chức hoạt động) của một phương pháp/ tiếp cận giáo dục chủ đạo và phối hợp hoặc thay thế nếu phù hợp một phần của phương pháp khác.

+ Trong một trường, mỗi độ tuổi (Nhà trẻ/ mẫu giáo) ứng dụng một phương pháp/ tiếp cận giáo dục khác nhau, bao gồm toàn bộ tiêu chuẩn chương trình (nội dung, môi trường, phương pháp tổ chức hoạt động) của phương pháp/ tiếp cận đó.

Ví dụ: Nhà trẻ ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori, mẫu giáo ứng dụng giáo dục STEAM.

*\* Căn cứ vào lộ trình ứng dụng:*

- Lần lượt (Cuốn chiếu/ Thí điểm): bắt đầu triển khai ứng dụng thí điểm trên 1 hoặc 2 lớp/ khối, sau đó theo lộ trình sẽ tăng dần số lớp triển khai.

- Chọn lọc: chỉ tập trung cho một số lớp theo tinh thần tự nguyện của GV và phụ huynh.

- Đồng loạt: triển khai ngay với toàn bộ các lớp trong trường.

**c) Thực hành**

### **PHIẾU THỰC HÀNH**

Chọn hai hoặc ba phương pháp/tiếp cận giáo dục quốc tế đã được giới thiệu, sau đó:

- Đối chiếu và so sánh điều kiện thực hiện phương pháp/ tiếp cận giáo dục đó với điều kiện hiện tại của cơ sở GDMN mình đang phụ trách/ làm việc.

- Đề xuất mô hình ứng dụng một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục cho cơ sở GDMN mình đang phụ trách/ làm việc.



### **3.2. Hướng dẫn triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình tại cơ sở GDMN**

#### **a) Mục tiêu:**

+ Nhận diện được những phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế và tính phù hợp khi ứng dụng vào bối cảnh của cơ sở GDMN do mình phụ trách.

+ Lập kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện việc ứng dụng PP/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN tại cơ sở GDMN.

+ Thực hiện đánh giá và điều chỉnh kịp thời, đáp ứng sự phù hợp khi ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN

+ Sáng tạo trong ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN.

#### **b) Chuẩn bị**

##### *Phía giảng viên:*

+ Tài liệu viết của mô đun

+ Bản trình chiếu Powerpoint bài giảng

+ Phiếu giao nhiệm vụ hoạt động 6.

##### *Phía học viên:*

+ Bút, giấy để thực hiện phiếu nhiệm vụ hoạt động 5.

+ Chuẩn bị các câu hỏi/ ý kiến về việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN và những hỗ trợ/ tư vấn chuyên môn.

#### **c) Tổ chức hoạt động**

##### **PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 5**

##### **Nhiệm vụ 1. Thảo luận theo các câu hỏi (khoảng 20 phút)**

Câu hỏi 1. Anh/ chị cho biết các bước cần thực hiện khi triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN? (10 phút).

Câu hỏi 2. Theo anh/ chị sẽ có những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện ứng dụng một hoặc kết hợp một số phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN? Vì sao? (khoảng 15 phút)

##### **Nhiệm vụ 2. Trình bày chia sẻ (10 phút)**

Đại diện một số nhóm trình bày quan điểm của bản thân hoặc nhóm

## THÔNG TIN PHẢN HỒI

Ứng dụng phương pháp/ cách tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN là đổi mới phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong tổ chức hoạt động CSGD theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”. Quản lý việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN chính là quản lý đổi mới phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế tại cơ sở GDMN mình đang công tác. Để thực hiện được nhiệm vụ ứng dụng, đội ngũ CBQL cần thực hiện những bước sau:

### ***Bước 1. Khảo sát đầu vào***

Bước này nhằm xem xét từng phương pháp/ tiếp cận giáo dục và đối chiếu với điều kiện thực tế, mức độ phù hợp của cơ sở GDMN khi ứng dụng đổi mới việc thực hiện chương trình GDMN. Việc thực hiện các bước với công việc cụ thể như sau:

- Nghiên cứu và nhận diện từng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN ở cơ sở GDMN mình đang công tác.

+ Trạng thái nhà trường, thói quen, sức ỳ của đội ngũ cán bộ, GV về ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế ở mức độ nào?

+ Nhận thức và khả năng triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế của các thành viên ở cơ sở GDMN như thế nào? nên chọn lựa mô hình ứng dụng như thế nào? có thuận lợi, khó khăn nào?

+ Ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế ở cơ sở GDMN nên bắt đầu từ ai? Từ đâu? Bước đi nào hiện thực nhất đối với hoàn cảnh điều kiện cơ sở GDMN? Làm như thế nào là hiệu quả nhất?

- Chuẩn bị những bước cần thiết khi ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN.

Để triển khai bước này CBQL cơ sở GDMN phải trả lời được các câu hỏi sau:

<b>Thay đổi thái độ</b>	<b>Thay đổi hành vi</b>	<b>Thay đổi nhận thức</b>
a/ Làm thế nào để mọi người cùng đồng lòng, thống nhất chủ trương ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế	a/ Có nên bắt đầu bằng việc thảo luận về ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN?	a/ Cho các GV đi tham dự các cuộc thi GV dạy giỏi, dự giờ các GV tổ chức các hoạt động giáo dục có ứng dụng

<p>trong thực hiện chương trình GDMN?</p> <p>b/ Làm thế nào để thay đổi thói quen, phá vỡ “sức ỳ” của GV dạy trẻ theo thói quen cũ?</p> <p>c/ Làm sao cho đội ngũ GV cảm thấy việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế không phải là một chủ trương áp đặt mà là một nhu cầu nâng cao chất lượng CSGD trẻ?</p>	<p>b/ Bắt đầu bằng việc khuyến khích những “đốm lửa nhỏ”, chỉ đạo theo kiểu “vết dầu loang” - tức là chọn một vài GV tâm huyết và có năng lực sư phạm “xung phong đi đầu – làm mẫu” và khuyến khích mọi người dần tham gia?</p> <p>c/ Làm sao để mọi người sẵn sàng thực hành, trải nghiệm; trao đổi và chia sẻ; hỗ trợ nhau cùng thực hiện?</p>	<p>phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế?</p> <p>b/ Đi tham quan các điển hình tiên tiến?</p> <p>c/ Tổ chức các buổi bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn chuyên đề?</p>
--	--	---

Cần lưu ý rằng trong quản lý sự thay đổi khó nhất là thay đổi thói quen, thay đổi nhận thức và phá vỡ sức ỳ của đội ngũ.

- Thu thập và phân tích các số liệu, dữ liệu về tính khả thi ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN ở cơ sở GDMN.

Đây là bước “chuẩn bị hành động”, vì vậy CBQL phải trả lời cho các câu hỏi sau:

+ Tình hình đội ngũ của cơ sở GDMN (chất lượng đội ngũ, ý thức chuyên môn, tinh thần đổi mới, ham học hỏi, tinh thần trách nhiệm...)?

+ Tình hình trang thiết bị và điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục ở cơ sở GDMN (số lượng, chất lượng trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu và việc khai thác sử dụng trong tổ chức hoạt động giáo dục ...)?

+ Sự hiểu biết về ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế (ai đã được tập huấn về tiếp cận giáo dục quốc tế?, ai có ý tưởng sáng tạo trong vận dụng đổi mới?, ai là người tiên phong trong ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong các hoạt động giáo dục ...)?

+ Sưu tầm tài liệu hướng dẫn các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế và ứng dụng như thế nào?

+ Tìm tổ chức hoặc người tư vấn hỗ trợ chuyên môn cho việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế?

- Tìm các yếu tố khích lệ, hỗ trợ “sự thay đổi” để ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN như: chuyên gia; trẻ và phụ huynh;...

+ Tìm cho được một vài điển hình nhiệt tình tham gia ứng dụng ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế để kích thích phong trào.

+ Tạo điều kiện để GV tâm huyết, có ý tưởng ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế được đi tham quan học tập, đi dự các đợt tập huấn bồi dưỡng chuyên đề, của các dự án giáo dục của các tổ chức quốc tế.

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, hội thảo tại trường để GV có thể trao đổi, chia sẻ và hỗ trợ nhau khi ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Đáp ứng tối đa, trong điều kiện có thể, mọi yêu cầu của GV xung phong đi đầu ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Tạo cơ chế hỗ trợ các nguồn lực và khuyến khích việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Mời chuyên gia chuyên sâu về phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế, chuyên gia về phát triển chương trình GDMN... tư vấn, hỗ trợ cho đội ngũ GV tham gia ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN.

### ***Bước 2. Lập kế hoạch triển khai***

Sau khi đã chọn lựa và quyết định việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục trong thực hiện chương trình GDMN, ban giám hiệu nhà trường lập kế hoạch triển khai ứng dụng như sau:

- Xác định mục tiêu cụ thể để chỉ đạo việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Xác định mục tiêu ở bước thí điểm là xem xét khả năng ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế cho một vài hoạt động của một số GV có chuyên môn vững ở trường;

+ Phân tích thành công thất bại ở bước thí điểm và lựa chọn bước đi tiếp theo;

+ Xem xét tiến độ triển khai thích hợp với từng giai đoạn nhưng kiên trì với mục đích cuối cùng là ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế theo kế hoạch hàng năm và duy trì lâu dài.

- Xác định các nội dung ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.
- + Xác định các nội dung cần phải thực hiện ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.
- + Nội dung cụ thể của từng bước thực hiện ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.
- Xem xét các giải pháp ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.
- + Động viên, khuyến khích tinh thần, vật chất hay kết hợp cả 2 ?
- + Hướng dẫn, chỉ đạo sát sao; yêu cầu cụ thể đối với từng GV tham gia vào quá trình ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong tổ chức các hoạt động giáo dục ?
- + Cung cấp, hỗ trợ các điều kiện, nguồn lực cần thiết và kịp thời ?
- + Đánh giá kịp thời, khách quan mức độ thực hiện việc ứng dụng cho từng hoạt động, từng giai đoạn ?
- + Khen - chê, thưởng - phạt kịp thời, công minh và khách quan.

Vấn đề là đặt trọng số vào giải pháp nào trong điều kiện và bối cảnh của cơ sở GDMN để phù hợp với giai đoạn đang ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

- Lựa chọn giải pháp hiệu quả để ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

Việc lựa chọn giải pháp thích hợp là vấn đề khó nhất. Tuy nhiên, giải pháp tối ưu là giải pháp phù hợp với khả năng chỉ đạo của người quản lý và khả thi trong điều kiện hoàn cảnh cụ thể của cơ sở GDMN.

### ***Bước 3. Tổ chức chỉ đạo***

Tổ chức và chỉ đạo ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế cần quan tâm: bắt đầu như thế nào và biện pháp chỉ đạo nào của các cấp quản lý tại trường để đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, thống nhất giữa các bộ phận. Trong chỉ đạo ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế cần lưu ý các vấn đề sau:

- + Quán triệt chủ trương chung tạo nên sự thống nhất trong toàn trường, nhất là đối tượng GV thực hiện giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm”.
- + Thảo luận khả năng ứng dụng và các biện pháp triển khai ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế tại cơ sở GDMN.
- + Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục trong thực hiện chương trình GDMN: (i) Chuẩn bị về nhân sự: Chọn

lựa những nhân sự nhiệt tình và vững chuyên môn; Thực hiện tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ GV về phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế định ứng dụng; Phân loại về khả năng ứng dụng của đội ngũ GV để sắp xếp công việc phù hợp;...; (ii) Chuẩn bị CSVC: không gian cần thiết, đồ dùng trang thiết bị phù hợp theo phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế phù hợp; nguồn lực tài chính cần thiết...; (iii) Chuẩn bị công tác truyền thông bên trong nội bộ và bên ngoài cho phụ huynh, cộng đồng về ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế tại cơ sở GDMN.

+ Tổ chức thực hiện đăng ký hoặc chỉ định GV làm thí điểm theo các lớp ở từng độ tuổi khác nhau của trẻ;

+ Hướng dẫn và tổ chức GV xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục theo từng độ tuổi có ứng dụng phương pháp / tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Tạo điều kiện tối đa cho GV triển khai ứng dụng phương pháp/tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Giám sát việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN và điều chỉnh kịp thời như: (i) Quan sát việc thực hiện chương trình tại các lớp và thực hiện khai vấn cho GV; (ii) Tổ chức dự giờ đánh giá, rút kinh nghiệm theo những tiêu chí ưu tiên trên trẻ: sự hứng thú và thích tìm hiểu; khả năng tự học tự khám phá; luôn thể hiện ý kiến cá nhân...; (iii) Tư vấn và hỗ trợ GV ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ theo độ tuổi; (iv) Mời chuyên gia sâu về phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế đến tư vấn chuyên môn; (v) Bồi dưỡng chuyên môn liên tục về cách thức ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Nhân rộng mô hình thí điểm theo khối lớp hay theo hoạt động giáo dục cụ thể.

+ Sử dụng các biện pháp tối ưu để duy trì ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN một cách bền vững.

+ Phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm để có thể kế hoạch hoá việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN cho các năm học tiếp theo.

#### ***Bước 4. Đánh giá - Điều chỉnh***

- Đánh giá việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình giáo dục tại cơ sở GDMN.

+ Thay đổi nhận thức về vấn đề ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục đã ở mức nào (mức ủng hộ, mức biến thành hành động, mức chuyển giao nhận thức về ứng dụng phương pháp/ cách tiếp cận giáo dục quốc tế cho người khác...; số lượng và tỷ lệ người đã thay đổi nhận thức và sẵn sàng tham gia việc ứng dụng...)

+ Thay đổi cách lập kế hoạch giáo dục trẻ trong cả năm học, tháng, tuần, kế hoạch giáo dục hàng ngày có ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Thay đổi cách tổ chức các hoạt động giáo dục có ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

+ Thay đổi cách đánh giá kết quả lĩnh hội của trẻ, trong đó đảm bảo việc tôn trọng cá nhân trẻ (tôn trọng sở thích, khả năng của trẻ) và thực hiện qua quan sát hàng ngày.

+ Thay đổi cách đánh giá hoạt động giáo dục có ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế.

- Điều chỉnh để đảm bảo sự tiếp tục ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN ở những năm tiếp theo có hiệu quả.

+ CBQL nhận thức được những ưu điểm và khó khăn khi ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế. Chính vì vậy, CBQL đóng vai trò quyết định trong hỗ trợ GV thực hiện ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế hiệu quả.

+ Mọi người đều nhận thức được việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế là nhiệm vụ của GV khi thực hiện đổi mới giáo dục.

+ Phân công GV trong trường được trao đổi, bồi dưỡng về phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế và cách thức ứng dụng tại cơ sở GDMN.

+ CBQL chỉ đạo sát sao và tạo môi trường cho hoạt động chuyên môn tốt nhất (trong khả năng cho phép) để GV thuận lợi khi ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong cơ sở GDMN.

+ Ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế được đưa vào kế hoạch hành động của mỗi GV, các tổ chuyên môn và trong cơ sở GDMN để tạo nên một sự đồng nhất trong tập thể đội ngũ, đặc biệt là các GV.

+ Động viên kịp thời những tấm gương tích cực; hỗ trợ kịp thời những đồng nghiệp gặp khó khăn bằng các cách khác nhau; khen chê đúng lúc, thưởng phạt công bằng.

Việc ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN là đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động học cho trẻ, nên phải đáp ứng được mục tiêu giáo dục; nội dung giáo dục; khả năng nhận thức và kỹ năng của trẻ; điều kiện và năng lực của GV... Trong quá trình tổ chức chỉ đạo cần phải có những biện pháp đồng bộ để hỗ trợ GV kịp thời như: bồi dưỡng/ tập huấn chuyên môn về phương pháp/ tiếp cận giáo dục mà nhà trường theo đuổi; xây dựng môi trường giáo dục phù hợp (VD: phương pháp giáo dục Montessori thì cần thiết phải có bộ giáo cụ phù hợp; tiếp cận giáo dục Reggio Emilia cần cho trẻ gần gũi với thiên nhiên và sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên...); mời chuyên gia góp ý tư vấn và chia sẻ...

Việc tạo ra cơ chế vận hành, điều kiện thực hiện, xây dựng môi trường học tập, vui chơi cho trẻ có ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế lại thuộc chức năng quản lý. Cần chú ý hơn nữa việc tạo cơ chế tự chủ trên nền tảng quản trị nhà trường. Muốn quản trị tốt, thì CBQL cơ sở GDMN phải được tự chủ chuyên môn, tự chủ nhân sự và tự chủ tài chính; và phối kết hợp cả 3 mặt tự chủ đó để tạo nên hiệu quả hoạt động chuyên môn ở cơ sở GDMN.

## **VI. ĐÁNH GIÁ**

### **6.1. Câu hỏi trắc nghiệm**

**Câu 1: Hiện nay ở Việt Nam đang phổ biến ứng dụng những phương pháp/ tiếp cận quốc tế nào trong thực hiện chương trình GDMN ?**

- A. Phương pháp giáo dục Montessori
- B. Giáo dục Stem/ Steam
- C. Tiếp cận giáo dục Reggio Emilia
- D. Phương pháp giáo dục Montessori, Giáo dục Stem/ Steam và Tiếp cận giáo dục Reggio Emilia.

(đáp án D)

**Câu 2: Đặc trưng của phương pháp giáo dục Montessori là:**

- A. Trẻ trong một môi trường lớp học tách theo từng độ tuổi riêng biệt đảm bảo cùng trình độ



- B. Trẻ tự do chọn lựa hoạt động và chơi tự do thoải mái
- C. Lớp học đa độ tuổi; Trẻ tự do chọn lựa hoạt động; Trẻ được tôn trọng và tập trung vào công việc của mình; Trẻ học thông qua trải nghiệm thực tế
- D. Trẻ học theo sự giảng dạy của người lớn, cô giáo.

(đáp án C)

**Câu 3: Nội dung giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori gồm:**

- A. Thực hành cuộc sống, khoa học, công nghệ và Toán
- B. Thực hành cuộc sống, cảm giác, ngôn ngữ, toán học và văn hóa
- C. Khoa học, công nghệ, kĩ thuật, toán và nghệ thuật
- D. Văn hóa, Toán, ngôn ngữ, khoa học, và cảm giác

(đáp án B)

**Câu 4: Trong lĩnh vực văn hóa của phương pháp giáo dục Montessori có:**

- A. Âm nhạc và Tạo hình
- B. Lịch sử và địa lý
- C. Khoa học về sinh vật sống và khoa học về vật chất
- D. Lịch sử, địa lý; Khoa học về sinh vật sống và khoa học về vật chất; Âm nhạc và Tạo hình

(đáp án D)

**Câu 5: Một trong những vai trò của giáo viên Montessori là:**

- A. Giáo viên là người quan sát và ghi chép
- B. Giáo viên là người đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động giáo dục
- C. Giáo viên là người chú tâm vào điểm sai của trẻ để chỉ trích, nhắc nhở hoặc sửa lỗi.
- D. Giáo viên làm hộ trẻ hoặc làm thay cho trẻ.

(đáp án A)

**Câu 6: Vai trò của trẻ trong lớp học Montessori là:**

- A. Trẻ tôn trọng và bảo vệ môi trường lớp học với ý thức chăm sóc, giữ gìn sự ngăn nắp, gọn gàng và sạch sẽ.
- B. Trẻ đóng vai trò thụ động, luôn chờ đợi sự chỉ dẫn hoặc yêu cầu của giáo viên đưa ra.
- C. Trẻ tôn trọng những người xung quanh, trẻ khác đang học cũng như sự trật tự trong lớp; Trẻ tôn trọng và bảo vệ môi trường lớp học với ý thức chăm sóc,

giữ gìn sự ngăn nắp, gọn gàng và sạch sẽ; Trẻ đóng vai trò chủ động, tích cực và tự học thông qua quá trình tương tác với giáo cụ và với bạn trong lớp

D. Trẻ tôn trọng cô giáo, nhưng lại không tôn trọng các trẻ khác đang học cũng như sự trật tự trong lớp

(đáp án C)

**Câu 7: Nguyên tắc của phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình GDMN**

A. Môi trường thân thiện và thiên nhiên truyền cảm hứng cho trẻ.

B. Tôn trọng quyền tự do của trẻ; Môi trường thân thiện và thiên nhiên truyền cảm hứng cho trẻ; Học đi đôi với hành và không làm ảnh hưởng đến sự tập trung của trẻ; và GV, cha mẹ chỉ là người hỗ trợ, đồng hành cùng trẻ

C. Tôn trọng quyền tự do của trẻ và GV, cha mẹ là người ở bên giúp đỡ và làm mọi việc cho trẻ.

D. Học đi đôi với hành và không làm ảnh hưởng đến sự tập trung của trẻ.

(đáp án B)

**Câu 8: Nếu trường bạn không đủ điều kiện để trang bị đồ dùng giáo cụ Montessori, bạn sẽ chọn phương án nào dưới đây để áp dụng vào thực hiện chương trình GDMN**

A. Ứng dụng nội dung lĩnh vực thực hành cuộc sống và cảm giác phù hợp với điều kiện thực tế

B. Ứng dụng nội dung lĩnh vực Toán, ngôn ngữ và văn hóa phù hợp với điều kiện thực tế

C. Ứng dụng chọn các bài học phù hợp trong thực hành cuộc sống, cảm giác, Toán, Ngôn ngữ và Văn hóa phù hợp với điều kiện thực tế

D. Ứng dụng nội dung lĩnh vực thực hành cuộc sống, Toán và văn hóa phù hợp với điều kiện thực tế

(đáp án C)

**Câu 9: Giáo dục STEM/ STEAM là:**

A. Phương pháp dạy học

B. Phương pháp giáo dục

C. Phương pháp tiếp cận trong giáo dục

D. Chương trình giảng dạy

(đáp án C)

**Câu 10: Đặc trưng đầu tiên của giáo dục STEM/ STEAM cho trẻ MN là tiếp cận:**

- A. Tích hợp, tổng hợp và đa môn trong giáo dục
- B. Tích hợp
- C. Tổng hợp
- D. Đa môn

(đáp án B)

**Câu 11: Đặc trưng học tập của trẻ trong giáo dục STEM/ STEAM là:**

- A. Thực hành
- B. Trải nghiệm
- C. Nghiên cứu
- D. Cả 3 phương án trên

(đáp án D)

**Câu 12: Đặc trưng của giáo dục STEM/ STEAM là:**

- A. Phát triển tư duy trực quan
- B. Phát triển tư duy phản biện
- C. Phát triển tư duy logic
- D. Cả 3 phương án trên

(đáp án B)

**Câu 13: Giáo dục STEM/ STEAM chú trọng:**

- A. Sản phẩm trẻ làm được
- B. Kết quả hoạt động của trẻ
- C. Kiến thức trẻ đạt được
- D. Kỹ năng trẻ đạt được

(đáp án D)

**Câu 14: Môi trường xã hội trong giáo dục STEM/ STEAM cho trẻ Mầm non là môi trường:**

- A. Sôi nổi và bận rộn
- B. Trật tự và bận rộn
- C. Sôi nổi, vui vẻ, luôn bận rộn
- D. Trật tự, vui vẻ, bận rộn

(đáp án C)

**Câu 15: Giáo dục STEM/ STEAM phù hợp để ứng dụng trong cơ sở GDMN nào?**

- A. Bất cứ cơ sở nào
- B. Quốc tế
- C. Công lập
- D. Tư thục

(đáp án A)

**Câu 16: Để ứng dụng hiệu quả giáo dục STEM/ STEAM trong thực hiện chương trình CS, GD trẻ, cơ sở GDMN cần có:**

- A. Giáo viên chuyên STEM
- B. Cơ sở vật chất hiện đại
- C. Tài chính dồi dào
- D. Cả 3 phương án trên đều  ĐÚNG  SAI

(đáp án D-SAI)

**Câu 17: Để ứng dụng hiệu quả PHƯƠNG PHÁP/ TIẾP CẬN GIÁO DỤC QUỐC TẾ trong thực hiện chương trình CS, GD trẻ, cơ sở GDMN NÊN:**

- A. Chỉ ứng dụng 01 phương pháp/ tiếp cận
- B. Không ứng dụng quá 02 phương pháp/ tiếp cận
- C. Không ứng dụng quá 03 phương pháp/ tiếp cận
- D. Có thể ứng dụng 01 hoặc nhiều phương pháp/ tiếp cận

(đáp án D)

**Câu 18: Mục tiêu nào sau đây không thuộc mục tiêu giáo dục trong của hướng tiếp cận Reggio Emilia**

- A. Phát huy năng lực tiềm ẩn của trẻ.
- B. Tôn trọng và yêu thương trẻ.
- C. Cung cấp kiến thức có sẵn theo các chủ đề.
- D. Khuyến khích trẻ sáng tạo theo cách riêng của mình.
- E. Giáo dục ý thức trách nhiệm cho trẻ.

F. (Đáp án: C)

**Câu 19: Sự quan tâm nhiều nhất của hướng tiếp cận Reggio Emilia**

- A. Hình ảnh về trẻ em-chủ thể của hoạt động.
- B. Một trăm ngôn ngữ của trẻ

- C. Môi trường-người thầy thứ ba của trẻ.
- D. Xưởng nghệ thuật
- E. Các mối quan hệ

(Đáp án: A)

**Câu 20: Yếu tố nào sau đây không liên quan đến hình ảnh trẻ em trong hướng tiếp cận Reggio Emilia**

- A. Mạnh mẽ, ý chí kiên cường.
- B. Giàu nghị lực, tâm trạng luôn vui vẻ.
- C. Thích khám phá, tìm tòi kiến thức mới.
- D. Khát khao học hỏi những điều mới lạ.
- E. Giao tiếp tích cực
- F. Tham gia hoạt động khi có yêu cầu

(Đáp án: F)

**Câu 21: Điều kiện cần thiết nhất để ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia trong chương trình GDMN tại địa phương:**

- A. Giáo viên và nhân viên
- B. Giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lí, cộng tác viên
- C. Cơ sở vật chất
- D. Cơ chế, chính sách
- E. Sự sẵn sàng thay đổi tư duy
- F. Sự đồng hành của các bên liên quan

(Đáp án: B)

**Câu 22: Ứng dụng một phần nội dung hướng tiếp cận Reggio Emilia vào thực hiện chương trình GDMN tại địa phương bao gồm:**

- A. Xây dựng môi trường giáo dục
- B. Tổ chức hoạt động giáo dục
- C. Vật liệu và cách sử dụng vật liệu tích hợp trong các hoạt động của trẻ
- D. Sử dụng vật liệu trong các hoạt động.
- E. Xây dựng các mối quan hệ trong cộng đồng
- F. Tất cả các ý trên

(Đáp án: F)

## **6.2. Bài tập cuối khóa**

1. Phân tích những điểm anh/ chị thích nhất của từng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế mà mình đã được giới thiệu.

2. Đối chiếu với tình hình thực tế của cơ sở GDMN mình phụ trách, anh/ chị cảm thấy phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế nào có thể ứng dụng được tốt nhất?

3. Theo các cách ứng dụng được gợi ý, anh/ chị có thể ứng dụng được như thế nào? (mô hình 1 phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế hay mô hình đan xen 2 - 3 phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế). Tại sao?

5. Anh/ chị (giả định mình) mình sẽ ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN, thì cách ứng dụng như thế nào? (một phần/ hay tất cả cùng một lúc; từng giai đoạn ứng dụng như thế nào?..)

6. Anh/ chị lập kế hoạch ứng dụng phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế trong thực hiện chương trình GDMN như thế nào?

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

- [1]. Chương trình Giáo dục mầm non (Tái bản, chỉnh lý, bổ sung năm 2021). Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Nguyễn Thành Hải (2018). Sách Giáo dục STEM/ STEAM: Từ Trải Nghiệm Thực Hành Đến Tư Duy Sáng Tạo.
- [3]. Quốc Tử Hoa. Cẩm nang nuôi dạy con theo phương pháp Montessori.
- [4]. Ngô Hiểu Huy. Phương pháp giáo dục Montessori - Phương pháp giáo dục tối ưu dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi.
- [5]. Lý Lợi. Phương pháp giáo dục Montessori - thời kì nhạy cảm của trẻ.
- [6]. Luise Boyd Cadwell (2018). Phương pháp giáo dục Reggio Emilia. An Vi dịch. Nhà xuất bản Lao động.

### Tiếng nước ngoài

- [7]. Lee, Jin Hee (2012). Montessori Program.
- [8]. Lella Gandini (2004). Values and Principles of the Reggio Emilia Approach.
- [9]. Lindauer, Sl. L. K. (1996). Montessori education for young children. In J. Roopnarine & J. E. Johnson (Eds.), *Approaches to early childhood education* (2nd ed., pp.243-259). Upper Saddle River, NJ: Pearson.
- [10]. Linda Thornton and Pat Brunton (2014). Series edited by Sandy Green. *Bringing the Reggio Approach to your Early Years Practice. Tài liệu lưu hành nội bộ*. Lily Reggio Emilia Inspired Preschool.
- [11]. Pack Kuyng Hee và Lee Song Suck (2011). Montessori Program.
- [12]. Shin Hoa Sick (2016) Role of Teacher in Montessori classroom.
- [13]. Torrence, M., & Chattin-McNichols, J. (2005). Montessori education today. In J. Roopnarine & J. E. Johnson (Eds.), *Approaches to early childhood education* (5th ed., pp. 336-366). Upper Saddle River, NJ: Pearson.

***Website tham khảo***

- [14]. Mostre | Reggio Children.
- [15]. VIRES.Cộng đồng giáo dục Reggio Emilia tại Việt Nam | Facebook.
- [16]. <http://www.tru.ca/arts/literacy/reggio/reggioarticle1.htm>
- [17]. <https://reggioalliance.org/doads/>
- [18]. Tài liệu:okenwright.pdf



## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Một số hình ảnh về môi trường và hoạt động theo các phương pháp/ tiếp cận giáo dục quốc tế

#### *Môi trường giáo dục và hoạt động theo phương pháp giáo dục Montessori*

*Bà Maria Montessori* là một bác sĩ, một Nhà giáo dục người Ý nổi tiếng với phương pháp sư phạm độc đáo lấy trẻ làm trung tâm, khuyến khích giáo dục tự lập và hỗ trợ thiên hướng phát triển tự nhiên.



#### *Một môi trường ngăn nắp, trật tự để trẻ học*



#### *1. Thực hành cuộc sống*



*Chăm sóc cây xanh trong lớp*



*Chuyển hạt bằng tay*

## 2. Giáo dục cảm giác



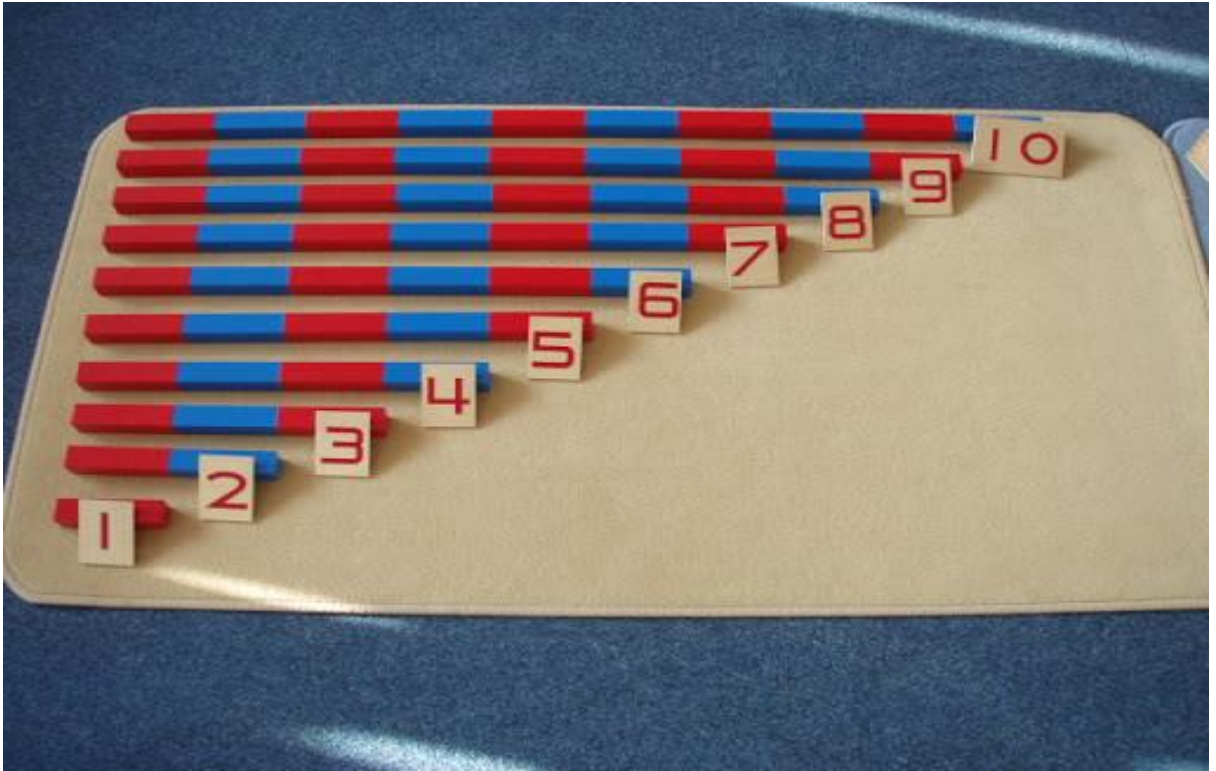


### 3. Ngôn ngữ



### 4. Toán





*5. Văn hóa – địa lý*



*Làm quen với quả cầu và địa lý*

***Khoa học***



*Trẻ học về địa lý*



***Sinh vật học***



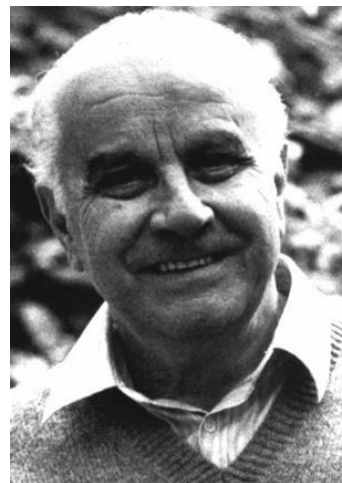
***Thời gian***

*Môi trường GD và hoạt động theo GD STEM/ STEAM*



*Môi trường giáo dục và hoạt động theo Hướng tiếp cận Reggio Emilia*

Loris Malaguzzi – Người chịu trách nhiệm chính cho sự phát triển của Hướng tiếp cận Reggio Emilia.



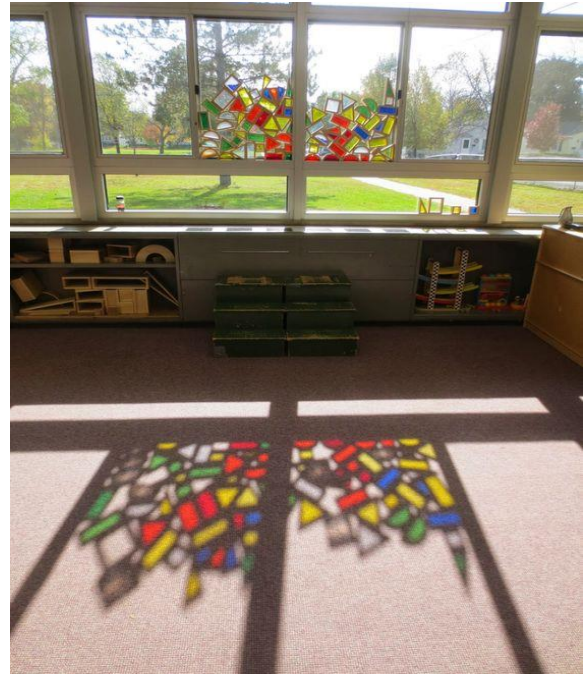
*Môi trường lớp học Reggio Emilia*



*Sử dụng và khai thác ánh sáng vào trong quá trình học của trẻ, nét đặc thù rất riêng của Reggio Emilia*



*Xưởng nghệ thuật, nơi trẻ được thỏa mãn niềm đam mê*



*Bàn ánh sáng được khai thác tối đa cho trẻ học và cảm nhận*





**Phụ lục 2.** Thuật ngữ này lấy cảm hứng từ một bài thơ của Loris Malaguzzi:

<p>Bé làm bằng một trăm Bé có một trăm ngôn ngữ một trăm bàn tay một trăm ý nghĩ một trăm cách tư duy cách chơi và nói Một trăm luôn là một trăm cách để lắng nghe ngạc nhiên và đam mê một trăm niềm vui hát ca và hiểu biết một trăm thế giới để em khám phá một trăm thế giới để em sáng tạo một trăm thế giới để em mộng mơ Bé có một trăm ngôn ngữ (và hàng ngàn triệu tỷ nữa) nhưng mất đi chín mươi chín Trường học và văn hóa tách lìa đầu khỏi thân.</p>	<p>Họ dạy cho bé: đừng nghĩ bằng tay đừng làm bằng óc chỉ nghe đừng nói chỉ hiểu đừng vui yêu thương và ngạc nhiên dành khi Phục Sinh và Giáng Sinh nhé Họ dạy cho bé: thế giới có sẵn đây rồi, khám phá đi và trong một trăm học đánh cắp của em chín mươi chín Họ dạy cho bé: làm việc và vui chơi thực tại và huyền bí khoa học và tưởng tượng trời và đất lý luận và mộng mơ là những điều chẳng tồn tại cùng nhau bao giờ Và cứ thế họ dạy cho bé: không có một trăm đâu nhé. Bé trả lời: Không, một trăm vẫn ở đấy mà./.  Loris Malaguzzi (An Vi dịch)</p>
---	--

